

SỐ 1828

## DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 16 (Phần Đầu)

**BẢN LUẬN QUYỂN 57**

Trên đây nói rộng, về bốn trong sáu thứ khéo léo rồi.

Dưới đây là nói về của xứ, phi xứ khéo léo thứ năm. Trong văn có bốn:

- 1- Kết trước, sinh sau.
- 2- Chia ra, bốn môn.
- 3- Dựa vào môn để giải thích.
- 4- Chỉ cho pháp còn lại không hiển hiện.

Trong phần nêu ra bốn môn:

1- Thể: Là Trí hiểu rõ cảnh sở tri nhân, quả trái nhau, không trái nhau, là thể của xứ, phi xứ khéo léo.

2- Nói về hiển hiện: Tức là nhân duyên khởi giáo, vì muốn chỉ thị rõ trí chánh phương tiện đối với cảnh nhiễm, tịnh, vì không có sai lầm, hư hoại, nên nói là xứ, phi xứ khéo léo.

Hai môn này thuộc về ban đầu, nên nói là Thể hiển hiện. Môn đầu là thứ ba; khác nhau là thứ tư. Hai môn này thuộc về sau, nên nói rằng, môn khác nhau sau.

Y theo môn để, giải thích, tức là bốn đoạn. Hai đoạn trước rất dễ hiểu. Thứ ba, trong môn giải thích có ba:

- 1- Dựa vào bốn thứ như thành v.v... để phân biệt về nghĩa môn.
- 2- Dựa vào bốn đạo lý, để phân biệt nghĩa môn.

### 3- Kợp chung kết luận.

Trong phần trước, đầu tiên, là chia ra bốn môn; sau, là dựa vào môn để giải thích, trong đó, trước là hỏi, đáp, nói chung ý của bốn môn: Vì muốn thị hiện môn khác nhau của “xứ” “phi xứ”. Nay, nói nghĩa của môn thứ ba này. Sau là theo thứ lớp, giải thích bốn môn.

Trong nói về môn ban đầu: “Nói là dựa vào môn Thành Biện ban đầu, tướng khác nhau còn lại môn kia không bao gồm tướng mạo sai khác. Pháp sư Cảnh nói: “Nói là dựa vào môn thành xong ban đầu, ba môn còn lại kia đã không gồm thâm nghĩa, tức nói thành xong, gọi là còn lại sai. Nay, ta sẽ nói:

Lại như nhãn căn đối với công dụng nghe tiếng, ngửi mùi hương v.v..., vì không thể thành xong, nên gọi là các môn đó không gồm thâm, đây là nghiệp trái lại. Ngoại trừ các môn ấy, sự kiện nhìn thấy sắc, nay ta sẽ nói:

“Nhãn căn có thể nhìn thấy thành xong việc của nó. Ngoài các môn kia, không thể nghe tiếng, ngửi mùi hương v.v..., nên gọi là tướng mạo sai khác. Pháp sư Khuy Cơ rằng: “Nói là chỉ môn thành xong ban đầu, ngoài ra các môn khác đều không gồm thâm. Nay, sẽ chỉ bày rõ ràng sao cho nhất thiết chủng sai khác đều gồm thâm hết, tức ba môn sau nói là không có xứ, nghĩa là xứ mười phương; hoặc xứ ba cõi.

Không có phần vị, nghĩa là phần vị ba đời.”

Hỏi: Kinh nói: “Được năm căn dùng lẫn nhau của phần vị tự tại”, vì sao trong đây lại nói “nhãn có công dụng của bốn căn, tất nhiên, se không có “thị xứ” ư?”

Có thuyết nói: “Trong đây, y theo năm căn của phần vị chưa tự tại, để nói về xứ, phi xứ.”

Hỏi: “Nếu vậy, được phần vị tự tại, bốn đại sẽ có khả năng tác dụng lẫn nhau chăng?”

Đáp: “Theo Pháp sư như Quách giải thích, tứ đại của phần vị tự tại cũng dùng lẫn nhau. Nên biết rằng, Luận chủ nói đại chẳng phải tác dụng lẫn nhau, điều này cũng y theo phần vị chưa tự tại mà lập ra thuyết này.” Pháp sư người Hưng Tân La nói rằng: “Bốn đại là đối tượng nương tựa của sắc, sắc chẳng sáng tỏ, nhạy bén, nhưng dù có tiến đến phần vị tự tại đi chăng nữa, cũng vẫn không tác dụng lẫn nhau.

Năm căn là đối tượng nương tựa của tâm. Tâm thì sáng suốt, nhạy bén. Nếu năm căn của phần vị tựa tại nhờ vào năng lực chủ thể nương tựa, cũng được dùng lẫn nhau. Nay, tìm kiếm các thuyết, Pháp sư Khuy Cơ nhận thức được chỗ cốt yếu nói rằng: “Về việc dùng lẫn nhau của

căn này, có hai thuyết khác nhau:

1/ Sư rằng: “Sự thật có thể “duyên” các cảnh.

2/ Sư thứ hai giải thích: “Mỗi căn, xứ đều có khắp các căn, đều tự khởi tác dụng, chứ không phải dùng một căn được tất cả cảnh, bởi tác dụng của các căn đều phổ biến tất cả, nên gọi là dùng lẫn nhau. Nếu không như thế thì sẽ thành pháp tương hư hoại. Tâm vương lẽ ra cũng có tác dụng của tâm sở mà chấp riêng v.v....

Theo thuyết thứ hai, cho dù đạt đến địa vị tự tại, nhưng nhãn vẫn không có tác dụng của bốn căn, do đó, địa đại cũng tạo nên công dụng của ba đại còn lại. Khéo thuận theo văn này, hiển nhiên không có ngăn ngại. Cả hai nói về môn hội hợp, gồm có sáu lần “lại nữa”. Lần “Lại nữa” thứ hai nói: “Nước, lửa là phần thô, phân biệt khác với lửa tế của xúc nhiệt trong nước. Như lửa thô của chất tro lửa, tức vì không cùng chung với nước.

“Lẫn lại nữa” thứ tư, thứ năm, nghĩa là không có xứ, không có phần vị, đồng một chủng loại nhãn thức, hai tâm vương, hai thọ, hai tưởng v.v... đều cùng lúc hội hợp.

Lần “lại nữa” thứ sáu, không có một nhãn thức đều cùng lúc có thiện, bất thiện, khổ, vui hội hợp.

Nói về môn chứng đắc, có bảy lần “lại nữa”. Y theo riêng bốn, năm; Thứ bảy là nêu tên chứng đắc.

Sinh Bán-trạch-ca, nghĩa là trời sinh, theo sự thật, năm thứ Bán-trạch-ca, đều không thể sinh nam, nữ. Tuy nhiên y theo phần hơn, nghĩa là chỉ nêu trời sinh Bán-trạch-ca.

Nói về môn hiện hành có bảy lần “Lại nữa”, đều y theo phần nói về xứ, phi xứ trong pháp hiện khởi, gọi là môn Hiện hành.

“Không dứt tham v.v...” cho đến “không có việc đó”: nghĩa là lúc hữu lậu, vì phải hàng phục tham, nên mới khởi quán bất tịnh v.v.... Lại, thành tựu Niệm, trụ, tu Vô lậu.

Kế là, y theo bốn đạo lý, để nói xứ, phi xứ, như văn.

Nói về môn sai khác. Đem thiện xảo của xứ, phi xứ đối với thiện xảo của “duyên khởi”, để nói về sự sai khác. Dùng thế liên quan nhau của hai nghĩa thiện xảo này để nói về đối lập. Môn khác thì không như thế.

Thiện xảo của xứ, phi xứ nghĩa là cảnh thì rộng, duyên khởi thì hẹp, dưới đây là thứ sáu, trong phần nói về căn thiện xảo, đầu tiên, kết trước, sinh sau. Sau là chia chương, giải thích; Trong đó, có:

1- Có nửa bài tụng chia ra, bốn môn:

- a) Biên minh về ý nghĩa của căn.
- b) Nói ý của căn.
- c) Phế lập căn, phân biệt rộng là sau.
- d) Nói rộng về thứ lớp.

2/ Dựa vào môn để giải thích, tức thành bốn đoạn:

1- Giải thích về nghĩa: Nghĩa tăng thượng là nghĩa căn: Bà Sa cũng nói: “Dù tất cả hữu vi đều có tăng thượng. Nhưng phần nào hơn, thì được lập căn. Như Chúa người, Chúa trời v.v....”

2- Giải thích về ý, vì làm rõ nghĩa hơn hết của sự và pháp nghĩa kia, tức là sẽ nói về nhân duyên của căn, giáo khởi. Như luận-Bà-Sa nói: “Có một vị Bà-la-môn tên là Sinh Danh, trước đó, đã học nghĩa “căn”. Nghe các thuyết khác lập căn, phần nhiều, không thể hiểu được, bèn đến chỗ Phật hỏi rằng:

“Cồ-Đàm nói căn có nhiều ư? Nay ngài quyết định lập bao nhiêu căn?” Phật bảo Sinh Danh:

“Dù ta có trí, vẫn không thể thêm một, bớt một trong hai mươi hai căn” Nay, vì giải thích kinh Phật, nên lập ra thuyết này, vì làm sáng tỏ nghĩa hơn hết của việc kia, pháp kia, nên nói hai mươi hai căn này,”

3- Trong phần nói về phế lập, đầu tiên là dùng tám lần “Lại nữa” để kiến lập căn. Sau, dùng một bài tụng để kết tám môn đó.

Y theo sáu nghĩa để kiến lập căn, như bài tụng trong luận Câu-xá rằng:

*“Tâm sở nương khác này  
 Đây trụ tạp nhiễm này.  
 Tư lương này, tịnh này.  
 Do lượng này lập căn.*

Tâm sở y. Nghĩa là lập sáu căn như nhãn v.v... làm đối tượng nương tựa (sở y) cho sáu thức.

Khác này, Đây là thứ hai lập hai căn nam nữ. Do hai căn này, nên chúng sinh riêng và khác nhau.

Trụ này: là thứ ba, “duyên” kiến lập mạng căn, được trụ trong một thời kỳ.

Tạp nhiễm này là lập năm thọ căn, ở đây nói là thọ dụng.

Quả nghiệp tăng thượng: Nghiệp kia thật sự chẳng phải quả. Nhưng được rồi, cũng vì khởi thọ dụng trong phần vị quả, nên nói là quả thọ dụng.

Tư lương này. Nghĩa là lập năm căn như tín v.v... vì dùng tư lương Thánh đạo này.

Tịnh này. Nghĩa là lập ra ba tướng của ba căn vô lậu. Luận này và nghĩa kia cũng giống nhau. Trong năm nghĩa thứ hai, hai căn nam, nữ thọ cảnh dâm lét lút, nên gọi là thọ dụng tăng thượng cảnh ẩn giấu. Trong năm nghĩa thứ ba, sáu căn phần nhiều thọ dụng cảnh trong tự thân; hai căn nam, nữ thọ dụng thân người, gọi là môn ngoài. Năm thọ, có cả chủ thể thọ dụng cảnh ngoài, thân trong, phát sinh tạp nhiễm, đối trị tạp nhiễm để kiến lập tám căn.

4- Trong sáu nghĩa, có thể khiến y chỉ vào tự tại chuyển. Pháp sư Cảnh nói: “ Vì để cho thân tự tại, nên lập ý căn.” Nay theo luận Câu-xá nói rằng: “Tự tại tùy hành”, như kinh nói: ‘Tâm có công năng dẫn đường thế gian; tâm có thể nhiếp thọ khắp, một pháp của tâm như thế, đều tự tại tùy hành.

Y chỉ tổn hại. Nghĩa là mừng, vui, giúp ích cho thân; lo lắng, khổ đau làm tổn hại, Xả bỏ cả hai.

5- Trong sáu nghĩa, chứng tỏ hữu tình lập sáu căn như nhãn v.v.... Sáu căn làm rạn vỡ các hữu tình, sinh phương tiện thù thắng lập năm căn. Pháp sư Cảnh nói: “Năm căn như tín v.v... có cả lậu, vô lậu. Tín hữu lậu v.v..., chiêu cảm người, trời sinh vượt hơn. Tín vô lậu hun đúc (huân tập). nghiệp hữu lậu, cảm sinh vượt hơn năm tịnh. Vì thế, nên hôm nay, giải thích chỉ lấy hữu lậu làm chiêu cảm sinh vượt hơn. Năm thứ như Tín vô lậu v.v... nhau thuộc về ba căn, làm phương tiện định vượt hơn, hưởng đến chứng Niết-bàn”.

6- Trong năm nghĩa, nói rõ tThể hữu tình lập sáu thứ như nhãn v.v... đồng với ở trước đã chỉ rõ về tư cách, hơi thở của các hữu tình tăng trưởng, lập ra hai căn nam nữ. Cách giải thích trước y theo sinh, ở đây y theo mức tăng trưởng, nhằm làm rõ tuổi thọ của hữu tình hao kém dần, để lập một mạng căn. Ở trước, y theo vào sự còn, mất vào thời kỳ hưng thịnh, có mừng, vui, đến lúc suy yếu hao hụt, có ưu tư, buồn khổ. Xả chung cả hai thời kỳ:

Ở trước, y theo cảnh giới thọ dụng, nhằm chỉ bày rõ nghĩa công đức, lỗi lầm của hữu tình, lập nên tám căn.

7- Pháp sư Cảnh nói: “ Vì chỉ rõ tín v.v... là pháp công đức, khả năng trị lỗi lầm, nên lập ra tám căn.” Pháp sư Khuy Cơ cho rằng: “thứ năm trong năm thứ như tín v.v... của ba vô lậu là phần giải thoát, là công đức. Năm thứ như tín v.v... là phần phước; Hữu lậu là lỗi lầm. Lại, công đức, là tám căn; lỗi lầm, là đối tượng dứt trừ của tám căn.

Trong bảy, trong hau phẩm, dựa vào tám câu đặt ra mà kiến lập. Dựa vào danh như thế, là thứ nhất, nghĩa là, thể của Trung hữu, chủng

tánh là thứ hai, nghĩa là chủnh tánh (dòng họ) của cha, mẹ, tức chủng tánh sát lợi như Ca-diếp v.v....

Như thế, ăn, khổ, vui là thứ ba, nghĩa là dựa vào thức uống ăn ngon thì cảm nhận mừng; vui; dựa vào thức uống ăn dở thì cảm nhận lo, khổ v.v....

Như thế, tuổi thọ là bốn, như thế trụ là năm; như thế lượng tuổi thọ là thứ sáu.

Trên đây là dựa vào phẩm tại gia để đặt ra. Tín như thế, cho đến tuệ, lập năm thứ như tín v.v... làm thứ bảy. Như thế hưởng đến quả, lập ba vô lậu sau làm thi thiết thứ tám. Đây là dựa vào phẩm Xuất Gia.

8- Sáu căn như nhãn v.v... trong sáu nghĩa, là chủ thể sinh ra các lỗi. Khởi căn ngăn ngừa, giữ gìn, tức do khả năng phòng hộ, lập ra sáu pháp đối tượng giữ gìn, ngăn ngừa làm căn. Do căn này mà nam, nữ có thể được xuất gia, chứng quả. Do có mạng nên sống ở đời, để chứa nhóm điều thiện. Do biết năm thọ, khởi chánh trí các tạp nhiễm mà tu hành. Văn còn lại rất dễ hiểu.

Tiếp theo là có một bài tụng kết tám lần “lại nữa”: Tùy cảnh giới chuyển v.v..., là kết môn đầu.

“Do làm rõ v.v...”, là kết môn thứ hai và môn trong là kết môn thứ ba; trang nghiêm là hết môn thứ tư.

Hai hữu tình, là kết thứ năm, thứ sáu

Giả thuyết là kết thứ bảy

Phòng hộ là kết thứ tám.”

Dưới đây là thứ tư, phân biệt rộng về môn, trong đó chia làm hai:

1/ Đại khái dùng tám môn để phân biệt.

2/ Dùng sáu môn, lại phân biệt rộng.

Trong phần trước, trước là nói về tám môn, sau, dùng bài tụng để kết.

Trong phần trước, môn tác nghiệp thứ nhất, có sáu lượt hỏi, đáp.

Ba căn sau cùng, thú hưởng chứng Niết-bàn. Nghĩa là nói chung xa gần. Hai môn trước, là hưởng đến Niết-bàn; một môn sau, là chánh chứng Niết-bàn làm nghiệp.

Thứ hai, là môn giả, thật: Hai căn nam nữ tức giả lập ở thân căn. Mạng căn, được lập ở phần vị Lại-da. Ba căn vô lậu lấy chín căn làm thể, nên sáu căn là giả có.

Thứ ba, là môn phân biệt sắc, tâm v.v.... Văn chia làm hai:

1- Y theo năm pháp để nói về thuộc nhau.

2- Nêu căn giả, để nói về đối tượng bị hệ thuộc.

Trong phần trước, năm căn như nhãn v.v..., hai căn nam, nữ là sắc. Ý trong ý căn và ba căn vô lậu là tâm. Năm thứ như tín v.v... và năm thọ, cộng chung là mười. Và trừ ý trong ba pháp vô lậu còn lại là tâm sở. Mạng căn là bất tương ứng hành, đều là hữu vi, rất dễ hiểu.

Trong văn thứ hai, ba căn sau là phần Vị Chín căn đó là: ý, năm thứ như tín v.v... và ba thọ, nghĩa là như Đối Pháp quyển mười nói: “Mười căn là vị tri, dương tri căn, căn ấy thêm ưu căn. Luận này lấy mười lăm tâm kiến đạo làm vị tri, dương tri căn. Trong đây không có ưu căn, nên là chín. Luận Đối Pháp kia hạt giống thiên căn giả thoát phần trở đi, tức gọi là căn đầu, nên mười thêm ưu căn”.

Mạng căn không có đối tượng hệ thuộc. Ngài Tam Tạng nói “Nên biết rằng, mạng căn không chỉ tâm vương thứ tám, mà còn có cả lập trên năm tâm số đồng thời”. Pháp sư Cơ nói: “Nay, giải thích không đúng, vì trái với văn luận Hiển Dương. Lại, phần thế khác của căn bản, như nam, nữ, ba vô lậu, đều lấy một phần ít của căn sở y làm Thế, dường như bản sắc, tâm. Đây là dựa trên giả để lập, không là phần tướng sở y, nên nói: “không có đối tượng hệ thuộc, chẳng phải cho rằng, nương tựa trên tâm sở để lập.”

Luận sư Cảnh chú thích rằng: “Mạng căn, tức nương tựa A-lại-da, ý căn để kiến lập, mà nói là không có đối tượng hệ thuộc, nghĩa là môn này y theo chung phần vĩ sắc tâm của quả báo để giả lập. Vì sắc, tâm gốc này không có hệ thuộc riêng của đối tượng hệ thuộc. Nay, theo luận Duy Thức, chỉ dựa vào hạt giống để giả lập mạng căn, không nương tựa hiện hành, nên biết được văn này lấy phi hiện hành, vì thuộc về căn, nên nói “không có đối tượng hệ thuộc”.

Lại, giải thích: “Mạng căn chẳng phải sắc tâm, nên không có đối tượng hệ thuộc.

Thứ tư, là môn ba tánh như thiện v.v..., đầu tiên nói về tánh thiện, tự có ba nghĩa:

1- Giả, thật luận chung có tám: Năm thứ như tín v.v... và ba vô lậu.

2- Bỏ thông suốt nói thuần túy, tức năm thứ như tín v.v....

3- Y theo chung, phân biệt chấp, tức phần ít của sáu, nghĩa là năm thiện của ý, có cả thiện, bất thiện, chỉ lấy bên cạnh thiện, gọi là phần ít.

4- Thọ và ý có cả ba tánh, chỉ lấy bên cạnh thiện, gọi là phần ít.

Kế là nói về bất thiện, tức phần ít của sáu, đồng với trước, sau, nói

về vô ký có hai nghĩa:

1) Bỏ tạp nhập, nói thuần tùy, tức mạng bảy sắc.

2) Y theo chung, phân biệt chấp, trừ ưu, bốn thọ và ý, đều có cả ba tánh, chỉ chấp vô ký gọi là phần ít.

5- Có Dị thực v.v... Có bảy lượt hỏi đáp:

1) Nói có Dị thực. Nghĩa là ưu hoàn toàn, và bốn thọ còn lại như Tín v.v... phần ít ý, trừ vô ký, vô lậu.

2) Nói về không có Dị thực, nghĩa là bảy mạng có sắc và ba vô lậu hoàn toàn. Vì tám vô ký trước, nên ba vô lậu sau. Đây là y theo là căn ban đầu trong kiến đạo, nên nói: năm thứ như tín v.v... bốn thọ và ý, trừ bất thiện, vì thiện hữu lậu. Ba nói có sự giúp đỡ của Dị thực. Báo vượt hơn người, trời là khi Thánh đạo khởi, để cho thân sở y dần dần vượt hơn thêm. Do tướng này giả, nên huân tập hạt giống sinh Tịnh Cư, kể cả sức định của bờ mé vô lậu lâu dài hơn nghiệp báo.

3) Nói về Dị thực. Chín phần ít, nghĩa là mạng căn hoàn toàn. Bảy sắc, ý xả, đều lấy phần ít. Bảy sắc lấy báo, trừ trưởng dưỡng, chỉ lấy bản thức. Ý Xả: trừ bảy thức, tương ứng với ý Xả, gọi là phần ít. Như luận Đối Pháp nói rằng: “Mạng căn là vô ký tự tánh, Dị thực vô tướng là Dị thực vô ký v.v... Ngài Tam Tạng nói: “Dị thực này không trái. Đối Pháp là y theo ba tánh để phân biệt. Mạng căn tự là vô ký trong ba tánh, nên nói là: “tự tánh Vô ký”. Thể của luận chỉ là vô ký Dị thực.

Lại giải thích: “Đối Pháp y theo pháp uẩn của ba tánh, để lập ra chúng đồng phần. Y theo vào lượng thời gian trụ của chúng đồng phần, để lập mạng căn, nên mạng căn đó chẳng phải chỉ Dị thực, chỉ gọi là tự tánh vô ký. Nay, y theo năm uẩn của ba tánh để lập pháp Dị thực trong mạng căn, lập mạng căn mạnh mẽ; nên nói là: “Mạng căn chỉ là Dị thực”. Tông chỉ của Tát-bà-đa lập sắc Dị thực, không có gián đoạn, nếu tâm Dị thực cho rằng có gián đoạn.” Nay, theo tông chỉ của Đại thừa, thì sắc, tâm không có gián đoạn, chỉ là Dị thực, phải nối tiếp nhau. Cho nên, ý Xả đối với môn Dị thực, chỉ lấy bản thức và tương ứng Xả.

4) Nói có hạt giống, Dị thực tất cả đều có: Ngài Tam Tạng nói: “Nghĩa là gìn giữ trong thức Dị thực, tất cả gọi là Dị thực” Lại giải thích: “Nay y theo nối tiếp nhau, gọi là Dị thực thì tất cả hạt giống đều nối tiếp nhau, đều gọi là Dị thực.”

Luận sư Bị, Cảnh nói: “Do tất cả hạt giống đồng với A-Lại-da, nên gọi là Dị thực. Từ hạt giống Dị thực sinh hai mươi hai căn, đều gọi là Dị thực sinh. Văn này thì nói là hạt giống vô lậu đồng với thức sở y (Đối tượng thức nương tựa) gọi là Dị thực. Do không có tự thể riêng, nên



ba căn vô lậu, được gọi là Dị thực sinh. Nay, theo Duy Thức nói: “Công năng hạt giống càng chuyển vận thêm, giả gọi là Dị thực”.

5) Nói phi Dị thực, nghĩa là mười hai hoàn toàn, thì năm thứ như tín v.v... ba vô lậu, và ưu khổ, lạc khổ; chín phần ít là: Bảy sắc, ý Xả, như trước đây đã dứt trừ. Mạng căn hoàn toàn Dị thực,

6) Nói về Dị thực sinh. Tất cả hạt giống đều gọi là Dị thực, nên các căn đã sinh, gọi là Dị thực sinh.

Trong môn phân biệt ba cõi, cõi Dục bốn, nghĩa là nam, nữ, ưu, khổ.

Mười lăm phần ít: Năm căn như nhãn v.v... có cả cõi Dục, sắc; mạng căn có cả cả ba cõi; năm căn như tín v.v... và ý; Xả có cả trói buộc và không trói buộc ở khắp ba cõi; hai căn hỷ, lạc có cả cõi Dục, cõi sắc và không trói buộc.

Nay, chỉ lấy cõi Dục v.v... nên nói mười lăm phần ít, mười lăm phần ít của cõi Sắc, nghĩa là mười lăm. Trước là tám phần ít của cõi Vô Sắc: Năm thứ như tín v.v... ý mạng căn Xả. Không trói buộc, tức năm căn vô lậu hoàn toàn và năm thứ như tín v.v... Hỷ, lạc, Xả, phần ít ý. Vị Tri căn kia cũng có cả hữu lậu. Nay vì y theo vô lậu, nên nói chung là ba.

Môn các Địa nhiều, ít v.v... Văn được chia làm ba:

- 1) Y theo Địa
- 2) Vô lậu.
- 3) Thành thực nhiều, ít.

Ban đầu nói là địa Vị Chí có mười một: Pháp sư Cảnh nói: “Đó là năm thứ như tín v.v...; ba vô lậu; ý, hỷ, và Xả.

Đây là y theo chung tác pháp của người cõi Dục”.

Hỏi: “Y theo phần hỏi đáp dưới đây, cũng có lạc, vì sao không nói?”

Đáp: “Vì giả nên không nói.”

Pháp sư Thái nói: “Bỏ đi ý, lấy lạc là thuận với luận Duy Thức”.

Hỏi: “Nếu Vị Chí có hỷ, thì vì sao không lập?”

Đáp: “Vì có thể dao động.”

Hỏi: “Ý, như sơ tính lự có hỷ, thì lập năm chi. Trong Địa Vị Chí đã có hỷ, thọ, vì sao không lập chi ư?”

Đáp: “Ý, Vị Chí có Hỷ, cũng chính vì cõi Dục đã bị gió làm nghiêng động, nên không lập Chi, dù là lập có, nhưng vì chưa biết có Thánh giáo nào, cho nên lại hỏi:

“Lấy gì làm chứng?”

Trong phần đáp, dẫn lời Phật nói:

Nói: “Môn đầu nói địa vị của Địa Vị Chí, nghĩa là ly, sinh hỷ, lạc, là thấm nhuần thân của địa ấy. Cùng khắp trở xuống là môn sau, là địa vị căn bản. Đầu tiên, chỉ thấm nhuần ý đều có của địa kia; sau, mới được vui vẻ khắp thân, nên sau hơn, trước kém. Đã nói hỷ, lạc, chứng tỏ cũng có lạc. Nay, lấy hiển hỷ, do ẩn, hiển thông suốt nhau, nên nêu chỉ lấy hiển, nghĩa là dùng lý để biện luận rõ ràng về hỷ. Địa này cũng có lạc, vì duyệt căn, nên gọi là lạc.

Tĩnh lực sơ, Nhị có mười tám: Trừ nam, nữ, ưu, khổ. Trước nói pháp trời buộc chỉ lậu, trong đây nói dựa vào pháp của địa, có cả hữu lậu, vô lậu, cho nên trên dưới không đồng, cũng không phải có lỗi. Tĩnh lực ba, bốn như thứ lớp, bỏ đi hỷ, lạc.

Pháp sư Cảnh nói: “Sơ định, Vị Chí đồng căn bản, lập hỷ. Hai định cũng thế. Ba định Vị Chí lập lạc; bốn định vị trí lập Xả.

Ba Vô Sắc cõi dưới mười một: Năm thứ như tín v.v..., ba căn vô lậu ý, mạng, Xả, cũng y theo nhiều người để tác pháp.

Phi tưởng có tám: Năm thứ như tín v.v.... Ý, mạng và Xả. Các pháp này chỉ y theo hiện hành. Nếu y theo hạt giống thì phạm, Thánh, luận chung hai mươi hai căn trong tất cả địa đều có thể được.”

Pháp sư Cảnh nói: “Hỏi; “ba Địa Vô Sắc làm ao có được hiện hành, Vị tri, đương tri căn ư? Như đoạn văn dưới đây nói: “Dựa vào bốn tính lực và sơ Vị Chí, nhập kiến đạo, dựa vào định chín y mà dứt hết các lậu?”

Đáp: “Ở đây y theo kiến đạo trở xuống, dựa vào định cõi Sắc, khởi gốc lành như noãn v.v.... Nhân đây tức là nhập định Vô Sắc, tâm hưởng đến cầu kiến đạo.

Như thế xoay vần chứng nhập ba “không”, đều khởi công hạnh này, gọi là căn vị tri, đương tri, hứ chẳng phải chẳng phải “ba không” có thể nhập căn bản, kiến đạo gọi là có Vị tri căn.”

Hỏi: “Nếu vậy, người này cũng dựa vào Phi tưởng, khởi quán hạnh này, thì Phi tưởng lẽ ra có vi tri căn, vì sao không nói?”

Đáp: “Địa của “ba không” dưới thì có hai căn vô lậu khác, nên nói là có vị tri, đương tri kia, Phi tưởng không có hai căn vô lậu sau. Giả thiết có công hạnh này, luận gia vẫn không nói. Lại vì tâm của Phi tưởng tối tăm, nên không đồng với địa dưới có thể khởi công hạnh này, chính vì thế, nên không nói là có căn vô lậu ban đầu.”

Hỏi: “Căn vô lậu ban đầu lấy chung chín căn hữu lậu của đạo phương tiện trước. Trong địa vị tu đạo, cũng thừa nhận lấy chung chín

căn phương tiện đạo hữu lậu v.v..., làm căn Dĩ tri không? Đối với địa vô học, lập Cụ tri căn để hỏi cũng vậy?”

Giải thích: “Luận Đối Pháp chép: “Từ mười sáu tâm của Kiến đạo trở lên, tất cả đạo học cho đến định Kim cương Dự, tức là mười căn trước làm thể của Dĩ tri căn, nên biết lấy chung Văn, tư tu tuệ tương ứng làm Dĩ tri căn, do đó nên Dĩ tri căn có cả hữu lậu, vô lậu. Ba tuệ vô học hữu lậu của Nhị thừa, cũng lập cụ tri căn, vì Đối Pháp nói: “Thế nào là Phi học, Phi vô học?”

Đáp: “Pháp vô ký thiện, nhiễm trong thân phàm phu chưa cầu giải thoát; pháp vô ký nhiễm trong thân người Hữu học và pháp vô ký trong thân người vô học, sáu là pháp vô vi, đều là phi học, phi vô học, nên biết rằng ba tuệ hữu lậu trong thân người Vô học và sinh đắc thiện, đều gọi là Vô học, là cụ tri căn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Phi tướng y theo đạo dứt trừ “hoặc”, nên có tám. Nếu Du quán v.v..., thì sẽ có cả mười một. Nhưng lấy Không xứ mười một để chứng minh đồng với Đối Pháp, vì lẽ thiện căn của giải thoát phần đều gọi là căn vị tri, đương tri, nên mười một trái với trước. Đây là y theo phương tiện xa.

Đoạn văn ở trước y theo mười lăm tâm của Kiến đạo, nghĩa là một văn của căn này chỉ vô lậu, một văn có cả hữu lậu, vô lậu; một văn nói trói buộc cõi Sắc và không trói buộc. Lại, văn nói: “Chỉ không trói buộc”, một văn lấy chín làm căn tánh một văn lấy mười căn làm tánh. Có văn nói: “Gốc lành của giải thoát phần vì có cả Phi tướng, nên đoạn văn trước nói tánh của mười một căn của Không, Xứ là phải. Ngoài ra văn sẽ hội ý. Nay theo Duy Thức quyển bảy chép: “Ba Vô Sắc ở trước có căn này, nghĩa là vì có tu đắc bên cạnh Kiến đạo vượt hơn. Hoặc giai vị Nhị thừa hồi hưởng về Đại thừa. Nghĩa là vì chứng pháp không, Địa tiền cũng khởi sinh vô lậu thuộc về chín Địa. Địa đó đều thuộc về căn này.

Kế là, y theo hữu lậu, vô lậu v.v... để nói về các căn. Đây là nói chung bảy Địa thông qua trong căn của Địa Phi tướng lậu, vô lậu. Pháp sư Cảnh nói: “Chủng loại của các căn Phi tướng thì vô lậu, không dứt trừ “hoặc”. Nếu y theo một thân Phi tướng nối tiếp nhau được có đạo xem vô lậu của Địa mình thì sẽ có hai cách nói. Lại, dùng phiền não giải thoát: Đây là y theo La-hán đã lìa các căn hữu lậu của Phi tướng, được giải thoát, gọi là Vô lậu. Về nghĩa này không ngăn ngại. Nhưng dựa vào địa Phi tướng, tâm nhập ở Diệt định, tức là dựa vào hạt giống của chín phẩm tâm nhàm chán kia để kiến lập Diệt định, Diệt định là

vô lậu, như quyển sáu mươi hai nói. Phải biết rằng, Phi tướng cũng có du quán vô lậu.

Pháp sư Thái thuật lại hai nghĩa:

1- “Nếu y theo vào chủng loại, tự tánh giải thoát, thì Phi tướng chỉ hữu lậu. Nếu y theo giải thoát trong thân nối tiếp nhau, thì sẽ nói có hai thứ: Hữu lậu, và vô lậu.

2- “Nếu dựa vào mặt lý để quán sát về chủng loại Phi tướng thì không có, nên sẽ nói hữu lậu. Nếu y theo vào lý của Hậu trí để quán sát sự nối tiếp nhau thì sẽ nói có hai thứ.”

Pháp sư Khuy Cơ hoặc nói rằng: “chủng loại nghĩa là đương địa vì không có chủng loại vô lậu dứt trừ “hoặc”. Lại, do giải thoát phiền não, nên gọi là vô lậu, nghĩa là Trí hậu đắc.”

Luận sư Trắc dẫn hai giải thích của Thích Luận:

1/ Rằng: “Y theo vào chủng loại của chánh thể, Phi tướng chỉ hữu lậu. Y theo hậu đắc nối tiếp nhau, thì Phi tướng có cả vô lậu.

2/ “Y theo chánh thể hậu trí, chủng loại xuất thế, thì Phi tướng không có vô lậu. Dựa vào căn trong thân lậu tận nối tiếp nhau, thì cũng có vô lậu.

Dưới đây sẽ nói về thành tựu nhiều ít, văn chia làm ba:

Y theo cõi Dục để nói về thành tựu nhiều, ít, trong đó, trước nói chung về cõi Dục. Kế là, y theo năm đường để nói. Sau, y theo hiện tượng nối tiếp nhau, để nói riêng. Đầu tiên là nói: “Cõi Dục, tất cả”: Đây là y theo nhiều người, hoặc một người đều cuối chấp nhận có thể có được hai mươi hai căn.

Luận sư Bị, Cảnh đồng nói: “Nhằm vào thế văn dưới đây, cho ta thấy đa số đều y theo hiện hành nối tiếp nhau khởi, nói là thành tựu.”

Kế là, nói: “Na-Lạc-Ca, cho đến “cũng thế v.v...”, ở đây có bốn trường hợp:

1- Trường hợp hạt giống hiện hành, đều thành tựu. Tám, nghĩa là, Luận sư Cảnh Khuy Cơ đồng nói lại hai giải thích:

“Năm căn như nhãn v.v... mạng; ý và khổ, đây là y theo sáu thức để luận.

“Dứt trừ khổ, lấy, bỏ. Đây là y theo vào tác pháp của Thức thứ tám. Pháp sư Cảnh nói: “Ý của Ngài Tam Tạng vẫn giữ nguyên cách giải thích đầu. Ngài Giới Hiền đồng với trường hợp này. Pháp sư Khuy Cơ cũng nói giải thích trước là hơn.

Xả Thọ đều cùng có với Thức thứ tám, thường hiện hành, nhưng bị khổ lẩn át cướp đoạt, vì như văn quyển năm mươi mốt, nên không

lấy. Lại, vì y theo tác pháp của sáu thức, nên không lấy. Nay, theo Duy Thức quyển năm nói là chỗ thuận khổ. Ý địa cảm thọ hai tranh cãi:

- 1- “Sẽ gọi là ưu”
- 2- “Chỉ gọi là khổ”

Pháp rộng Luận sư ở trước trích dẫn đoạn văn này, để chứng minh ba thứ còn lại nhất định là: Lạc, hỷ, ưu. Luận sư trước, nếu nói về văn kia, thì chỉ nói là chấp nhận, tức lẽ ra không nói quyết định thành ý căn, vì sáu thức khách nọ có khi không có. Lại, làm sao nói quyết định thành tựu tám căn? nếu cho rằng vì năm thức không nối tiếp nhau, nên nói ưu là Thức thứ tám, nghĩa là chết, sống, muộn tụyệt (bất tỉnh) đâu có ưu căn?

Có người chấp khổ căn là Thức thứ tám, cũng đồng với cách phá này. Nếu chấp một hình là Thức thứ tám, về mặt lý cũng không đúng, vì hình thể không nhất định. Nghiệp ác kia chiêu cảm, vì chấp nhận không có hình. Người kia do nghiệp ác, khiến cho năm căn môn vì thường cảm thọ khổ, nên quyết định thành tựu nhãn v.v.... Do thức thứ tám này quyết định là Xả của bảy, thức thứ tám, như y rất vui vẻ gọi là lạc.

Như thế, ý bị ép ngặt ở chỗ rất khổ, gọi là khổ.

Theo giải thích kia, xả này là thứ tám.

2- Trường hợp hạt giống, hiện hành nhất định, không nhất định. Trừ ba của hai thứ:

- a) Ba vô lậu.
- b) Nói là ba thọ.

Trong đây, Pháp sư Thái v.v... nói rằng: “Lấy Hỷ, lạc, xả.” Luận sư Bị nói: “Lấy Ưu, hỷ, lạc”.

Nay đồng với Luận sư Bị, thuận với Luận Duy thức. Các pháp còn lại, tức là năm thứ như tín v.v... và nỗi khổ của nam nữ.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trường hợp này là hạt giống, hiện hành, đều không nhất định. Nghĩa là hai căn nam nữ hiện hành hữu không nhất định, nếu hạt giống cũng không nhất định. Như văn không có căn, hạt giống của căn bị hao tổn, nên không ở hiện hành, sẽ không thành hạt giống. Một bề có chính giữa, bao gồm năm thứ như tín v.v... cũng thế. Như Tà kiến gây hao tổn phục hạt giống thiện, cũng gọi là không thành hạt giống. Đây là y theo đoạn văn trong ba hạt giống thành tựu, nên không ở hiện hành thì sẽ không thành tựu hạt giống. Quyết định có chính giữa, không lấy khổ, nghĩa là đã nói ở hạt giống, hiện hành, vì đều thuộc thành tựu ở giữa. Nay, thì không thế, vì năm căn Tín v.v... và nam, nữ dù bị tổn phục, nhưng vì thể của hạt giống có, nên gọi là nhất

định thành tựu hạt giống. Nếu ở phần vị muộn tuyệt (bất tỉnh) thì khổ căn sẽ gián đoạn, nên hiện hành không thành mà hạt giống nhất định có.”

3- Trường hợp hiện hành nhất định không có, hạt giống không nhất định, tức là ba căn vô lậu. Pháp sư Thái nói: “Do đây chứng biết từ Sơ Địa trở lên, đã có Bồ-tát không thọ báo thân chân thật của địa ngục, vì đã dứt trừ vô minh của nghiệp đường ác, chỉ hóa thân đến.”

Thắng Quân Luận sư giải thích về Bát Niết-bàn: vì không có chướng nặng, nên hạt giống vô lậu có nghĩa có thể sinh, cho nên thành tựu.”

Bồ-tát Hộ Nguyệt nói: “Do có hạt giống vô lậu như thế (pháp nhĩ), nên gọi là thành tựu.”

Pháp sư Giới, Hiền v.v... đều nói: “Y theo hạt giống như thế, đồng với cách giải thích thứ hai. Y theo mới huân tập, đồng cách giải thích thứ nhất.”

4- Trường hợp hiện hành nhất định không có; hạt giống quyết định có. Ba là: Ưu, Hỷ, Lạc, Pháp sư Cảnh v.v... đồng nói: “Nên nói hai pháp khác, nghĩa là hai hỷ, lạc. Địa ngục không khởi, hạt giống thành tựu. Xét kỹ bản Phạm, nay, không theo thuyết này, nếu quý, súc thọ cả khổ, vui thì ba pháp sau cũng hiện hành thành tựu, nghĩa là ưu, hỷ, lạc.

Theo văn trên, dưới, ta chưa thấy thuyết nào nói địa ngục là nơi cảm thọ khổ, vui lẫn lộn. Dưới đây, sẽ y theo việc nối tiếp nhau để nói riêng: Tức có sáu cặp, mười sáu lượt hỏi, đáp:

1- Cặp căn thiếu, căn đủ. Căn thiếu trừ năm. Nghĩa là trừ nam, nữ, ba vô lậu. Nếu thiếu nam, nữ thì nhất định sẽ thiếu ba vô lậu, nên căn này căn cứ hiện hành không khởi, gọi là năm hạt giống.

2- Cặp trượng phu, chẳng phải trượng phu. Bán trạch, trừ năm, nghĩa là cũng trừ nam, nữ và ba vô lậu. Pháp sư Cảnh nói: “Tự có Bán-trạch-ca, cũng trở thành căn nam nữ, vì không thường khởi, gọi là Bán-trạch-ca.

Nay, y theo hoàn toàn không có hai căn nam, nữ, để biên luận, nên nói là trừ năm. Nếu hai hình, kể cả vô hình, không được nhập Thánh, vì không thành tựu căn vô lậu.”

Pháp sư Thái nói: “Trước vì y theo không có sinh nam, nữ, nên trừ ba vô lậu, kể cả hai hình, sau vì không có hai hình, nên có khác với trước. Nếu chứng quả Thánh rồi, sau đó mất căn. Nếu trước đó đã hao mất thì sẽ không được nhập Thánh. Nếu đã được Quyết Trạch phần, sau đó mất căn, cũng vẫn được nghĩa nhập Thánh, đồng với giải thoát của

Tiểu thừa. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong đoạn này lại không có văn, nên biết rằng, thiếu căn nam, nữ không được nhập Thánh. Lại, nếu đặt ra cách giải thích như Tiểu thừa thì sẽ không có trở ngại: Nam, nữ lẫn nhau không có căn, hai hình, không có ba vô lậu.

3- Cặp dứt thiện, không dứt thiện: Điều thiện không khởi tám căn sau.

4- Cặp phàm phu, Bạc Thánh: Phàm phu không khởi ba căn vô lậu, tất cả bậc Thánh đều gọi là chung là Kiến đế, nên có tất cả.

5- Cặp Học, vô Học: Hữu học trừ hai mươi một Cụ tri căn, vô học trừ hai vô lậu ban đầu và ưu căn, nên còn mười chín.

6- Đôi bốn hương, bốn quả: Dự Lưu Hườn có hai mươi căn, trừ hai vô lậu sau. Quả Dự lưu có hai mươi căn, trừ hai vô lậu đầu và sau. Nhất lai hương và quả, với Bất hoàn hương cũng nhận có hai mươi. Nếu hai quả hương trong siêu việt, thì sẽ dứt trừ hai vô lậu sau. Nếu hương về thứ lớp thì trừ hai vô lậu ban đầu và sau. Quả bất hoàn có mười chín. Lại, trừ ưu A-la-hán hương cũng thế. Quả La-hán có mười chín căn, trừ hai vô lậu trước và ưu.

Y theo cõi Sắc, để nói có mười tám, nghĩa là trừ căn nam, nữ, ưu, khổ. Pháp sư Cảnh nói: “Bậc thánh cõi Sắc dù không thành tựu vô lậu, vị tri căn, nhưng vẫn có Vị tri căn hữu lậu như Noãn v.v..., vì trói buộc cõi Sắc. Nay, giải thích cõi Sắc hồi tâm nhập Đại Thánh, nghĩa là ban đầu cũng khởi Kiến đạo “Pháp không”, nên có Vị tri căn vô lậu. Đây nào có lỗi gì?”

Y theo Vô Sắc, để nói có mười một, nghĩa là năm thứ như tín v.v..., ý, mạng giả, Xả và ba vô lậu.”

Hỏi: “Vô Sắc không nhập Kiến đạo, làm sao có Vi tri căn ư?”

Luận sư Bị nói: “Bậc thánh cõi Vô Sắc khởi tâm hữu lậu, lại quán, nhập phương tiện Thánh, đây là quán nghĩa đã làm, Vi tri căn nói là có mười một đạo lý. Lẽ ra chẳng phải như nghĩa mà A-la-hán quán khổ, tập v.v... đã thực hành.”

Pháp sư Thái nói: “Nếu phàm phu được Quyết trạch phần, chưa thể nhập Thánh, mà lia dục sinh lên cõi Vô Sắc. Về sau, tất nhiên, sẽ khởi phần thông suốt, nên thành mười một căn.

Môn tử, sinh, được, xả, trong đó trước nói về tử sinh, được, xả của cõi Dục. Sau nói về được, xả của cõi trên. Thông thường, nói về vấn đề tử, sinh, được, xả ba cõi, mỗi cõi đều có ba thứ, hợp thành chín. Nay nói về bốn thời gian lược qua không luận về pháp khác. Y theo trong cõi Dục, trước hỏi, sau đáp. Trong phần đáp, trước, cứ theo căn hữu lậu

để nói được, xả. Sau nói lý do không nói căn vô lậu. Trong phần trước, trước nói về sắc căn được xả, sau nói về vô sắc căn được xả.

Trong phần trước, trước là nêu chung, sau, nói riêng về được, xả, trong đó, đầu tiên, là nêu căn thiếu đủ để nói về bốn trường hợp. Sau, y theo hơn, kém, để nói về bốn trường hợp.

Trước, nói về thiếu căn, đủ căn, đều có cả đường thiện, đường ác, sau nói về hơn kém, tức đường lành là căn hơn, đường ác thì căn kém, nếu chết ở đường lành đọa vào đường ác, bỏ hôn được kém, v.v.... Lại, giải thích: “ở trước, y theo vào căn Dị thực, sau y theo vào căn Trưởng dưỡng.”

Kế là trong phần nói về được xả của căn Vô Sắc, trước, nói về căn Dị thực; ý căn và mạng căn. Vả lại, y theo đường thiện là hơn; đường ác là kém, để nói về được xả. Nếu căn các thọ, người, trời có, Vượt hơn, hỷ, lạc. Đường ác có Ưu, Khổ thua kém, chết ở chỗ nấy, sinh ở nơi khác, nên bỏ kém, được hơn, tùy theo sự thích ứng với chỗ đó. Sau, nói về căn đẳng lưu, nghĩa là đã từng tu tập pháp lành, nắm căn như như Tín v.v..., dù rằng, còn phải qua sự sinh, chỉ có tăng tiến, không có bỏ hơn, được kém, trừ khi khởi phương tiện dứt thiện, mới có bỏ hơn được kém.

Dưới đây, là nói “không nói lý do của căn vô lậu, trái với sinh, tử, không có nghĩa được xả của mạng chung, thọ sinh, nên ở đây không nói.

Trên đã nói về được xả, sinh, tử của cõi Dục xong. Dưới đây sẽ nói về được xả của cõi trên. Văn chia làm hai:

- 1- Nói về được xả, sinh, tử của căn hữu lậu.
- 2- Nói về căn vô lậu.

Trong phần trước gồm có:

- a) Nói về sinh cõi Sắc.
- b) So sánh, giải thích.

Địa trên còn có căn nào không xả? Địa trên còn có căn nào không được? Mà nói là tiếp nhận bỏ tất cả địa dưới, cho được tất cả địa trên ư?

Giải thích: “Thông thường bỏ cái có, nếu ở cõi Dục, thì trước đã không có căn của nhãn, nhĩ v.v... của nam, nữ, nay sinh lên cõi trên, thì không có cái gì để xả, nên nói chấp nhận bỏ tất cả địa dưới. Thông thường được các căn của địa trên thì hữu là có thể được, không có là không được. Như sinh tịnh lự thứ ba không có hỷ để được sinh. Định thứ tư không có lạc để được, nên nói “sinh cõi trên thì được tất cả”. Dưới đây nói về căn vô lậu, văn chia làm hai:



- 1- Nói về phương tiện chứng quả mà được, không do tử, sinh.
  - 2- Nói về được hai quả:
    - a) Đăng lưu chuyển vận nhiều.
    - b) Giúp chiêu cảm Di thực.
- Dưới đây là, một bài tụng tổng kết tám môn:

*“Nghịệp là thứ nhất  
 Thật có thứ hai  
 Sắc bình đẳng thứ ba  
 Thiện bình đẳng thứ tư  
 Di thực thứ năm  
 Hoặc giới thứ sáu  
 Hoặc các địa thứ bảy  
 Và tử, sinh được xả là thứ tám.”*

Lại, có một giải thích: “Hoặc nam, hoặc địa, kết hợp với hai môn sáu, bảy của bài tụng làm thành tiết thứ sáu.”

Ý giải thích này nói: “Nói tám môn trước, tức là bảy đoạn. Đoạn thứ sáu kia. Gọi là môn giới địa phân biệt (môn phân biệt địa giới), được chia làm hai:

- 1- Nói về địa giới
- 2- Nói về thành tựu.

Trên đây, trong phân biệt rộng có hai:

- a) Dùng tám môn để phân biệt xong.
- b) Y theo sáu môn, lại phân biệt rộng, trước, nói sáu môn; sau,

dùng bài tụng để kết. Sáu môn là:

- 1- Nghĩa.
- 2- Y xứ.
- 3- Chứng đắc.
- 4- Nhiếp.
- 5- Thức ăn.
- 6- Các trường hợp.

Trong phần trước có mười bảy môn:

1/ Môn có cảnh, không có cảnh. Pháp sư Thái, Pháp sư Khuy Cơ đồng nói: “Giáo, lý đối nhau, giáo, có công năng giải thích lý; lý, gọi là nghĩa. Căn, cảnh đối nhau: căn, thì chấp cảnh, nên cảnh gọi là nghĩa, hai mươi một căn mỗi căn đều có nghĩa, trừ mạng căn.

2/ Môn giúp đỡ. Pháp sư Cảnh nói: “Bảy sắc căn dựa vào sắc v.v..., chẳng phải sắc làm giúp đỡ, mới có thể chấp cảnh. Ngoài ra, có duyên căn dựa vào đủ. Về lý, thì ý thức tương ứng với tâm và tâm sở là

tâm tánh, nghĩa là chỉ dựa vào Mạt-na, không dựa vào sắc căn. Trong đây vì nói chung nên nói là có nghĩa căn khác.” Pháp sư Khuy Cơ nói: “Bảy sắc xúc không thể chuyển biến nghĩa, làm bạn với phi sắc, mới có thể chấp cảnh. Mười bốn căn khác, lấy sắc, phi sắc làm bạn. Nay theo ở nói một và một ít trong mười tám giới là chủ thể thủ riêng, chứ chẳng phải giúp đỡ. Năng thủ chính là ý thức. Vì tâm sở của ý thức không nương tựa năm căn, nên gọi là chủ thể thủ riêng (độc năng thủ).

Nay trong văn này, vì sao lại nói căn, sắc, phi sắc có nghĩa khác làm giúp đỡ?”

Giải thích: “Nói chung, mà ý riêng. Lại, giải thích: “Văn trước y theo nghĩa đồng với cảnh, nói là giúp đỡ, nên ý thức được gọi là riêng. Nay trong văn này, y theo theo nghĩa nhờ vả mà nói là giúp đỡ. Vì thế, nên các “hữu” dùng căn nương chung sắc, phi sắc làm giúp đỡ.”

Hỏi: “Bảy sắc căn cũng nương tựa bốn trần phù căn, vì sao chỉ nói là hay đổi nghĩa giúp đỡ đối với phi sắc ư?”

Giải thích: “Nay, y theo trong hai mươi hai căn để nói về nghĩa ấy. Phù căn trần không nào thuộc về căn.

3/ Môn Biên minh riêng về nghĩa sở chấp: có mười hai trường hợp nghĩa căn nam, nữ do tương ứng với dục, tham, tức là thuộc về xúc, nghĩa là do thân thức tương ứng với dục, tham, nên lấy xúc trần làm nghĩa. Năm thọ căn theo sáu căn như nhãn v.v... khởi, tức là lấy trần làm cảnh.

Nghĩa tín căn nên được, nên xả. Nên được điều thiện, nên xả việc ác.

Tinh tấn đối với hai thứ: Tức là nên được, nên xả.

Chỉ quán của nghĩa định căn: Tức là lấy sở duyên của định, tuệ làm nghĩa, cũng có tức “duyên” định, tuệ làm nghĩa.

Sở tri chân thật, nghĩa của Tuệ căn. Pháp sư Cảnh chú thích: “Duyên” chấp lý chân thật, cũng “duyên” sự, nay dựa vào nói “duyên” lý, gọi là biết chân thật.

Nghĩa của Vị tri căn, cho đến tức là nghĩa năm căn là nghĩa này”, văn này nói tức là tất cả phương tiện hạt giống phát tâm, giải thoát phần v.v... đã có gốc lành của phần đạo, đều có tự thể của Vị tri căn, chính là “duyên” cảnh của năm căn Tín v.v.... Du-già quyển bảy cũng đồng với thuyết này.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong đây nói thể của Vi tri căn có cả hữu lậu, vô lậu, tức là trói buộc (hệ thuộc) và không trói buộc ở ba cõi.

4/ Môn có sắc, không có sắc. Có sắc là nghĩa: bảy sắc khác, trừ

mạng căn. Mười bốn căn lấy sắc, phi sắc làm nghĩa.”

Hỏi: “Khổ căn làm thế nào “duyên” sắc, không có sắc ư?”

Pháp sư Cảnh v.v... đồng giải thích: “Ưu thiệp nhập khổ, nên nói là khổ căn, “duyên” cả không có sắc”. Lại, giải thích: “Tự chứng phần của khổ căn “duyên” tự kiến phần.”

Nói “duyên” không có sắc. Cách giải thích của Pháp sư Thái đồng với thuyết sau. Nay, theo Duy thức, chánh nghĩa của Ngài Hộ Pháp: Ý địa của xứ thuần khổ, có khổ thì nào ngại gì khổ căn cũng “duyên” vô sắc, chỉ vì yếu kém, nhỏ nhặt, nên không “duyên” quá khứ, vị lai; mạng căn, chẳng phải có sắc; chẳng phải vô sắc.

Chẳng phải có sắc, chẳng phải vô sắc làm nghĩa. Có cách giải thích rằng: “Mạng căn chẳng phải sắc, chẳng phải tâm, tức là lấy chẳng phải sắc, tâm làm nghĩa căn của mình, làm phần vị giả. Lại, có thể dùng phi sắc, phi tâm làm nghĩa của cảnh người khác, vì chẳng phải chủ thể duyên.” Pháp sư Cảnh nói: “Vì mạng căn này là giả, nên thể của nó chẳng phải hữu sắc; vô sắc, cũng không lấy sắc, không có sắc làm cảnh.

5/ Môn có Kiến, vô Kiến, tất cả chẳng phải hữu kiến. Pháp sư Cảnh nói: “Môn này tương đương với môn có thể thấy, không thể thấy của Tiểu thừa.

Nay, nói có kiến, nghĩa là nhãn căn thấy sắc trần làm cảnh, có thể có kiến người khác, nên gọi là có kiến. Lại, nói trần là nói có hiện, vì một thứ sắc trần trong các sắc, rất là thô, hiển, nên gọi là có hiện, cũng gọi là có hiện. Sắc trần hiện ảnh nên gọi là có hiện, các pháp còn lại thì không như thế, không gọi là có hiện. Nay, y theo nghĩa này, nên nói tất cả chẳng phải có kiến. Vì hai căn đều chẳng phải là pháp có kiến, nên nói như thế.

“Một có sắc, lấy có kiến làm nghĩa. Nghĩa là nhãn căn có sắc. Trần làm nghĩa. Và một phần của chẳng phải có sắc khác, nghĩa là nhãn thức và ý thức tương ứng với năm thứ như tín v.v... năm thọ căn; ý và trong ba vô lậu cũng có một phần, “duyên” sắc hữu kiến”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Ở đây nói có “kiến” chính là bản Phạm; nói “có thể thấy” là chẳng phải bản phạm. Cũng có thể gọi là “có hiện”. Hiện tức là có thể thị, hiện lẫn nhau, vì ở nơi này nơi khác. Như có khả năng hiện ảnh, như ảnh tượng trong gương mặt, nước. Ở đây, chỉ sắc, gọi là có hiện; bản phạm có hai giải thích: kiến, và hiện. Nhưng dùng chữ “hiện”, tục vốn không có, nay cố làm chữ “kiến”.

6/ Môn có đối, vô đối v.v... Nói “Một phần vô đối vô sắc khác,”

nghĩa là năm thức tương ứng với căn, một phần ý thức tương ứng với các căn, “duyên” có đối.

Trong đây, y theo chướng ngại có đối mà lập ra thuyết này.

7/ Môn hữu lậu, vô lậu. Bảy sắc là hữu lậu, chấp cảnh hữu lậu; năm thứ như tín v.v...; ý, hỷ, Xả, vi tri căn. Mười căn này có cả hữu lậu, vô lậu, cũng “duyên” cảnh hữu lậu, vô lậu. Khổ căn nếu trụ, tánh của nó sinh từ hữu lậu. Y theo vô học, lia thân lậu khởi, cũng gọi là vô lậu. Lại, được đạo vô lậu, nên gọi là vô lậu. Khổ căn ở năm thức vì chỉ “duyên” năm trần, nên lấy hữu lậu làm nghĩa.

Ưu căn không ở chỗ lia thân lậu khởi, nên chỉ có hữu lậu, “duyên” chung bốn đế, nên lấy hữu lậu, vô lậu làm cảnh. Hai căn vô lậu sau, chỉ có vô lậu, lấy chung hữu lậu, vô lậu làm nghĩa.

Căn vi tri, Đương Tri xa quả Sa-môn. Nghĩa là kiến đạo trở xuống, gần là ở mười lăm tâm của kiến đạo

Hỏi: “ Khổ căn trong môn ba cõi ở trước, chỉ trói buộc cõi Dục. Vậy, vì sao trong đây lại có cả vô lậu?”

Giải thích: “Môn trước y theo tự tánh, còn ở đây dựa vào sự nối tiếp nhau nên không trái”.

8/ Môn hữu vi, vô vi. Bảy sắc và khổ đều lấy tánh cảnh của hữu vi; mười ba căn còn lại “duyên” hữu vi, vô vi, trừ mạng căn.

9/ Môn có tranh luận v.v....

10/ Môn ba đời. Pháp sư Cảnh nói: “ Nếu có sắc căn và khổ căn ở quá khứ, chẳng phải quá khứ làm nghĩa: “Đây là y theo hiện tại”duyên” quá khứ. Nay chuyển đến quá khứ, gọi là căn quá khứ, lấy quá khứ làm nghĩa. Căn có sắc kia, kể cả khổ căn lúc ở hiện tại, không “duyên” quá khứ. Nay, vì đã đi vào quá khứ, nên không được nói là quá khứ lấy quá khứ làm nghĩa. Ngoài ra, có nghĩa căn năng ”duyên” ba đời, sẽ làm nghĩa cho quá khứ, hiện tại đã nói ở đây, tức như đã nói một phần, nghĩa là nếu ý căn v.v... lúc ở hiện tại”duyên”. Việc sẽ khởi ở vị lai kia, căn sẽ truyền đi cảnh quá khứ, rồi chuyển đến hiện tại, tức gọi là lấy quá khứ hiện tại làm nghĩa. Phải biết rằng, tức lấy quá khứ, vị lai này làm nghĩa, nghĩa là khi ở hiện tại “duyên” việc ở vị lai, căn truyền đi quá khứ, ở vị lai không khởi, tức gọi là quá khứ lấy vị lai làm nghĩa.

Nói: “Lại, tức ở hiện tại này, lấy quá khứ, vị lai làm nghĩa, nghĩa là lại, như một niệm hiện tại, ý căn “duyên” cảnh quá khứ, vị lai, căn đi vào quá khứ, cảnh đương lai không khởi thì gọi là quá khứ “duyên” quá khứ, duyên vị lai, hiện tại, làm nghĩa cho hiện tại.

Nỗi khổ có sắc và một phần của thuyết trước, nghĩa là bảy sắc

khổ, ý căn còn lại, v.v... thể ở hiện tại, một phần lấy hiện tại làm nghĩa. Lại một phần hiện tại này ở vị lai, lấy quá khứ, vị lai và hiện tại làm nghĩa: Lại, một phần ý căn v.v... ở vị lai, sẽ khởi “duyên” ba đời. Nếu các sắc căn ở vị lai chẳng phải chưa làm nghĩa thì khổ căn cũng thế, nghĩa là giả thuyết sắc căn khởi ở hiện tại, không “duyên” vị lai, nên ở vị lai không lấy vị lai làm nghĩa”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Khổ căn và bảy có sắc ở quá khứ, chẳng phải làm nghĩa. Ngài Tam Tạng nói: “Tám căn này ở vị lai, quá khứ, đều là cảnh có nghĩa của đời đương lai. Nhưng nói không có nghĩa là như tám căn hiện tại, nhập quá khứ. Kế là niệam thứ hai của căn này, cảnh lúc sau, cũng nhập quá khứ, gọi là quá khứ, chẳng phải quá khứ làm nghĩa. Nhưng hiện tại đồng duyên nghĩa là đồng nhập quá khứ, quá khứ cũng “duyên” quá khứ. Nay, giải thích: “như căn không có sắc hiện tại, hiện tại “duyên” chung ba đời. Về nghĩa của đời quá khứ, vị lai, được nói là đều “duyên” cảnh ba đời. Tám thứ như khổ căn v.v..., vì chỉ duyên hiện tại trong hiện tại, nên giả nói lúc truyền dẫn đi trong quá khứ, vì thế lực chúng suy yếu, nên ở vị lai v.v... Vì thế không nói “duyên” đời tương lai, như giải thích trước. Vì sao căn cảnh đồng ở hiện tại, được “duyên” căn trụ ở cảnh hiện tại, nhập quá khứ ư?”

Thuật rằng: “Sắc trần hiện tại nhập quá khứ trước; nhãn căn ở vị lai mới nhập hiện tại; nhãn căn hiện tại nhập quá khứ xong, không thể duyên quá khứ. Lại, căn vô thức hiện tại cùng với sắc đều nhập vào quá khứ, nên không thể “duyên” cảnh quá khứ.

11/ Môn ba cõi trói buộc. Trói buộc của cõi Dục lấy trói buộc cõi Dục làm nghĩa, có bốn: Nam, nữ, ưu, khổ.

Hỏi: Trước kia nổi khổ có cả hữu lậu, vô lậu, sao ở đây chỉ nói trói buộc cõi Dục ư?

Giải thích: “Trước kia y theo lìa thân lậu, khởi, nên gọi là vô lậu. Nay, vì từ thật nghĩa, nên chỉ cõi Dục trói buộc.”

Hỏi: “Ở trước nói ưu căn hữu lậu, không có “duyên” sao hôm nay lại nói chỉ “duyên” pháp trói buộc cõi Dục ư?” Pháp sư Cảnh, Luận sư Bị đồng nói: “Vả y theo một phần, gọi là “duyên” cảnh Dục. Về lý, thật sự “duyên” chung cảnh hữu lậu, vô lậu.”

Pháp sư Thái, Pháp sư Khuy Cơ đồng nói: “Nói theo đa số. Lại, do tướng phần của ảnh tượng, từ kiến phần là cõi Dục. Nói cách khác, duyên chung ba cõi không trói buộc. Đây là y theo bản chất để biện luận, nên không trái.

2/ Dục, lấy sắc Dục làm nghĩa. Nghĩa là hai căn tử, thiệt, có cả trói

buộc hai cõi, vì hương, vị chỉ có ở cõi Dục.

3/ Nghĩa trói buộc cõi Dục, sắc cũng thế, nghĩa là ba thứ nhĩ, nhĩ thân; trói buộc và không trói buộc hai cõi Dục, sắc, lấy trói buộc và không trói buộc ba cõi làm nghĩa, nghĩa là hỷ, lạc bảy; trói buộc ba cõi, nghĩa là không trói buộc cũng thế, nghĩa là năm thứ như tín v.v...; là ý, Xả.

Trói buộc một sắc, không trói buộc tất cả làm nghĩa, nghĩa là vị tri căn. Pháp sư Cảnh nói: “Ở trước nói: “Vì từ pháp thiện, nên cõi Dục trở đi, đối với tất cả đạo phương tiện đều là thể của Vị tri căn, nghĩa là lấy chung phương tiện xa, gần. Nay, là lấy gần, Thuận Quyết Trạch trở lên, nên nói trói buộc và không trói buộc cõi Sắc.”

Hỏi: “Nếu vậy, Noãn v.v... chỉ hệ thuộc (trói buộc) cõi Sắc ư?” Pháp sư Thái thuật lại hai cách giải thích:

1- “Bốn gốc lành cũng có cả Vô Sắc.”

2- Chỉ trói buộc cõi Sắc, ở trước nói: “Căn ban đầu cõi Vô Sắc, nghĩa là y theo cõi Dục, sắc của pháp thiện xa.

12/ Môn ba tánh. Tám chỉ có ba tánh thiện, làm nghĩa. Năm thứ như tín v.v..., ba vô lậu, năm thân thông, ba tánh lấy ba tánh làm nghĩa, nghĩa là trừ ưu, lấy bốn Thọ và Ý.

1) Thiện, Bất Thiện “duyên” ba tánh, nghĩa là Ưu căn, năm vô ký lấy vô ký làm nghĩa, đó là nam, nữ, tử, thiệt, thân.

2) Vô ký “duyên” ba tánh, nghĩa là nhĩ, nhĩ. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đây là y theo nghiệp biểu giả.

13/ Môn Ba Học: Chín thân thông, ba Học lấy ba Học làm nghĩa, nghĩa là năm thứ như tín v.v..., hỷ, lạc, Xả, ý. Bảy đều cùng chẳng phải duyên cũng thế, nghĩa là bảy sắc căn.

Một có cả ba thứ đều chẳng phải duyên nghĩa là khổ căn, ở trước vì y theo bản tánh, nên mới nói chỉ trói buộc ở cõi Dục, duyên của trói buộc cõi Dục. Nay vì y theo ba địa vị, nên có cả Duyên của ba thứ duyên. Đều chẳng phải) kia, do quán không vô lậu mà dẫn sinh, nên nói là thông suốt qua (chung). Ưu chẳng phải không quán dẫn sinh, nên không so sánh.

Một Học “Câu phi”, lấy ba làm nghĩa: là ưu căn.

Hỏi: Ở trước đây nói ưu căn chỉ trói buộc cõi Dục, nay nói chung cả ba cõi ư? Pháp sư Cảnh hội rằng: “Về nghĩa học thì có cả hữu lậu và vô lậu, chỉ là pháp thiện tiến tu, đều gọi là Học. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Theo ý của đoạn văn trước, Vị Tri căn là chín căn phần, nên ưu căn chỉ trói buộc cõi Dục. Nay, đại ý văn này như luận Đối Pháp nói: “Căn

vô lậu ban đầu và thứ hai là Thế. Vì lấy mười căn, nên ưu căn có cả hai “duyên” ba: Vô lậu ban đầu thứ hai là Học, dùng ba thứ làm nghĩa. “Câu tri” (đều biết tốt) là vô học, lấy ba thứ làm nghĩa.

14/ Môn Ba Đoạn: Một phần do kiến dứt trừ, một phần do tu dứt trừ của mười bốn, nghĩa là trừ tám gốc lành, bảy sắc và mạng trong mười bốn căn còn lại. Nếu căn đường ác là kiến đoạn (dứt trừ khi kiến đạo); căn đường thiện là tu đoạn, thì năm thọ và ý căn. Nếu là nhân của đường ác, hoặc là quả của đường ác là kiến đoạn. Nếu là nhân của đường thiện, hoặc là quả đường thiện là Tu đoạn, thì mười hai, cho đến nói là sáu trong mười bốn là năm Thọ và Ý, và sáu căn còn lại là năm thứ như tín v.v... và Vị tri căn.

Nếu khổ căn của đường ác là kiến đoạn, khổ căn của đường thiện là tu đoạn, thì nổi khổ trong thân của bậc Vô Học là không dứt.

Nếu ưu căn Bất thiện tương ứng với Kiến hoặc là dứt trừ lúc kiến đạo (kiến đoạn) và ưu căn thiện tương ứng với tu hoặc là tu đoạn (dứt trừ lúc tu đạo), thì Hỷ, lạc, Xả và ý căn tương ứng với tu hoặc là tu đoạn. Vô lậu là không đoạn (không dứt trừ). Sáu căn còn lại là hữu lậu tu đoạn; vô lậu là không đoạn.”

Hỏi: “Ưu căn nào có cả chẳng phải đoạn ư?” Pháp sư Cảnh đáp: “Ưu căn như luận Đối Pháp nói, tức là Vi tri, Đương tri căn và dĩ tri căn.

Đã biết thế căn sinh ra từ căn vô lậu trong hai căn kia, cũng gọi là chẳng phải đoạn (phi đoạn). Pháp sư Thái v.v... nói: “ Vì ưu căn của hữu Học là phần đạo, nên tướng từ phi đoạn.”

Luận sư Bị nói: “Vì bốn trong năm thọ căn là phi đoạn, nên lấy ít theo nhiều, nói là ưu căn không có đoạn. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Sáu căn trước là bốn thọ, trừ ư và ý, mạng. Mạng căn ở thân vô học, như khổ căn, hoặc Như lai vô lậu.”

“Nếu vậy, năm căn của thân vô học làm sao hiểu?” Hai phi đoạn còn lại tức là hai vô lậu sau? Pháp sư Cảnh nói: “Về mặt lý, Dĩ tri căn đã có ưu căn làm thế, lẽ ra có cả tu đoạn và không đoạn, nhưng vì từ phần nhiều, nên gọi chung là không đoạn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trong đây vì y theo lấy chín cảm làm Thế, nên chỉ nói không đoạn. Đoạn văn này chứng minh rằng, pháp thiện của ba đường ác chẳng phải do kiến đạo dứt trừ. Sáu căn sau chỉ tu đoạn và không đoạn. Các căn Vô Sắc dùng ba thứ làm nghĩa, làm sao khổ căn “duyên” không có đoạn ư?”

Pháp sư Thái, Pháp sư Khuy Cơ nói hai giải thích:

Giải thích Một: “Nếu nói riêng thì khổ căn chỉ lấy tu đoạn làm cảnh. Vì nói tướng chung, nên nói rằng “duyên” ba thứ.

Giải thích Hai: “Y theo tự chứng phần cũng “duyên” không có đoạn. Vì cho nên không trái nhau. Pháp sư nước Tân-la nói: “Như Khổ căn của A-la-hán v.v... tương ứng với nhân thức, “duyên” tướng của hóa thân, Phật lúc nhập Niết-bàn, nên nói “duyên” không đoạn.

15/ Môn Nhiễm Tịnh Xả. Pháp sư Cảnh nói: “Trừ căn tánh thiện. Nhiễm ô không có gián đoạn và căn vô ký, và dính mắc đối với cảnh trước, vì đối với cảnh tạp nhiễm là đối tượng xả, nên nói đối với nghĩa Xả tạp nhiễm đã rõ ràng. Gốc lành không có trở ngại chấp mắc đối với cảnh, đó chính là thanh tịnh, vì có thể Xả đối trị, nên nói: “Đối với nghĩa thanh tịnh Xả, đã rõ ràng.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Xả, nghĩa là căn Xả. Ngoài căn tánh các việc thiện, căn khác có thể sinh căn Xả tạp nhiễm, tức là ngoại trừ tám thiện căn, một phần thiện v.v... của năm thọ trước đều là một phần thiện, tức là Xả thanh tịnh đã rõ ràng. Đây là y theo chỗ vì nghĩa đối tượng duyên (sở duyên) có thể sinh Xả tạp nhiễm v.v....”

16/ Môn điên đảo, không có điên đảo. Pháp sư Cảnh nói: “Chỉ rõ sáu căn của nghĩa điên đảo, nghĩa là năm thọ và ý đối với cảnh, nảy sinh nhiễm, gọi là nghĩa điên đảo. Nghĩa của cảnh giới kia là khổ, bất tịnh; đối với việc không nên tham, sinh ra tham; không nên giận, lại sinh ra giận v.v..., gọi là nghĩa điên đảo. Bảy sắc căn làm căn sở y cho điên đảo. Năm thọ và ý căn nếu nhiễm là điên đảo; “đắc” và vô ký’ chẳng phải điên đảo, nên gọi là phần ít sáu. Bảy sắc căn sinh phiền não mạnh mẽ. Gọi là điên đảo. Dựa vào năm thọ và ý căn nhiễm, là điên đảo; tánh tịnh là phi điên đảo, nên nói phần ít sáu.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Sáu căn là nghĩa điên đảo, nghĩa là năm thọ và ý, sau không nói một phần? Lại, nói sáu căn, nghĩa là sáu căn như nhãn v.v.... Đây là y theo lý do đối với cảnh, khởi điên đảo khắp hết. Phần ít sáu của tự tánh đảo, tức là năm thọ và ý, nên biết chấp sáu thứ nhãn căn v.v... làm nghĩa điên đảo vượt hơn, với tám Tín v.v..., chủ thể trị, dù lập ra thuyết này, nhưng vì nói sắc căn như nhãn v.v... làm đối tượng nương tựa điên đảo, nên lấy ý và năm thọ làm nghĩa điên đảo, là tốt.”

17/ Môn quán lỗi lầm. Trước là nêu ba cấp bậc. Pháp sư Cảnh v.v... nói: “hoặc tám, nghĩa là năm thứ như tín v.v... và ba vô lậu. Đây là y theo giá, thật để nói chung. Hoặc năm nghĩa là năm thứ như tín v.v.... Hoặc một, là ý căn.



Y theo thật nêu ra thể, là nói riêng này, đồng thời đối với cảnh giới, khởi quán nhàm lìa. Luận sư Bị v.v... đồng nói: “hoặc năm, là năm thọ căn cũng khởi nhàm chán đối với cảnh ở trước.”

Hỏi: “Một niệm năm thức của khổ căn không liên tục, thì làm sao đối với cảnh, có sự nhàm lìa ư?”

Giải thích: “Nhàm lìa đoạn thực thực hành quán bất tịnh, nghĩa là vì quán hạnh thành tựu ở ý thức, cho dù năm thức của con người đối cảnh cũng nhàm chán. Cho nên, năm thọ cũng có thể quán lìa của cảnh.”

Pháp sư Khuy Cơ lại nói: “hoặc một, nghĩa là Tuệ, có công năng đối trị đúng.”

Dưới đây là đối với vấn nạn, giải thích. Trước đặt ra vấn nạn:

Bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh:

1- Đức trụ vững chắc. Nghĩa là ngoại đạo chấp giả dối rằng, “Trăm năm bên trong thường”. Nếu chính thức sắp giữ gìn thân, tâm, thì đôi khi hơn một trăm năm.

2- Đức thế lực. Nghĩa là ngoại đạo chấp rằng, pháp trong, ngoài, có thể sinh ra thể của lạc. Quán hiện thanh tịnh, tức chấp lạc tịnh.

3- Đức chuyển biến, tức chấp “ngã” tự tại, rằng, “ngã”, có công năng dẫn dắt, lôi kéo vật thọ dụng của ngã sở (cái ngã có), trong đó tu trị, trị xong, thì thọ dụng, thọ dụng xong, thì xả, là nói rõ nghĩa tự tại.

4- Đức đáng ưa thích. Nghĩa là đối với mọi cảnh, sinh ưa thích chấp mắc.

Trong phần dưới đây nói: “Lại, đối với già, bệnh, chết v.v... v.v... đến “lìa đức thứ ba.”: “Ông chấp rằng, “ngã” tự tại, dẫn dắt “ngã sở” tu đối trị, thọ dụng, việc làm chưa hoàn thành, thì bị già, bệnh, chết v.v... gây tổn hại, không theo đối tượng ham muốn hiện có thể được điều ông nói, không có đức chuyển biến.”

Trong phần nói về y, xứ có ba:

1- Nói về hai mươi hai căn là y xứ của nghiệp dụng.

2- Dẫn kinh để giải thích hai mươi hai căn.

3- Giải thích nghĩa y xứ.

Trong phần trước, nhãn căn và tác dụng thấy sắc, dùng làm y xứ (chỗ nương tựa). Các căn còn lại đều với chấp cảnh của mình để làm y xứ. Hai căn nam, nữ và tập làm y xứ. Mạng căn cho đến tử hữu, làm đối tượng y xứ của “hữu” thuộc thời kỳ trước. Pháp sư Cảnh sơ giải rằng: “Muốn nói về mạng căn với bốn “hữu vi y” là nghiệp dụng của mạng căn. Nghiệp có bốn thứ:

1- Trung hữu, phương tiện thọ sinh.

2- Sinh hữu, mới được sinh uẩn một niệm của các đường.

3- “Hữu” của thời gian trước, từ mới thọ sinh, sau niệm thứ hai, trừ phần vị mạng chung, các uẩn trung gian, được gọi là “hữu” của thời gian trước, vì ở trước tử hữu, nên cũng gọi là bản hữu. Vì nghiệp xưa đã gieo trồng, nên nối tiếp nhau trong thời gian dài.

4- Tử Hữu. Một niệm lúc lâm chung, đồng thời với năm uẩn. Luận này chú thích bên cạnh rằng: “Trong văn từ sau nhắm tới trước để nói.”

Có giải thích rằng: “Sinh hữu làm chỗ nương tựa cho bản hữu. Bản hữu làm y xứ cho tử hữu. Tử hữu làm y xứ cho trung hữu, vì “hữu” của thời gian trước tức trung hữu hỷ, lạc trong năm thọ căn, là đối tượng nương tựa ái v.v... của cảnh vừa ý. Khổ ưu đều là đối tượng nương tựa của cảnh không vừa ý. Xả, có cả hai thứ: Vị tri, Dục tri căn, là ý xứ chứng quả thứ hai, thứ ba: Đây là y theo dĩ tri căn của người siêu việt, cho đến y xứ của người chứng quả vô học của định Kim cương Dục, nghĩa là với tu đạo của người kia là y và có thể dẫn dắt đến quả cho Vô học. Cụ tri căn, đến đối tượng y xứ. Pháp sư Cảnh nói: “Với đạo Vô gián của Kim cương kia, dứt “hoặc”, diệt vô vi, tác chứng, làm y và chứng “sở y” của hiện pháp lạc trụ, dứt hẳn đối tượng y xứ (Sở y xứ).

Nay, giải thích: “Ở đây có ba trường hợp:

1- Định Kim cương, vô gián, Niết-bàn diệt, tác chứng làm y.

2- Với hiện pháp lạc trụ làm y.

3- Chủ thể nhập vô dư diệt làm y.

Kế là, trong phần dẫn thứ căn. Sau nói về ba căn vô lậu, lại không có giải thích riêng.

Y theo trong kinh ban đầu có mười hai trường hợp để nói, về sắc căn. Pháp sư Cảnh nói: “Thân này có sắc là trường hợp ban đầu. Nói về cộng tướng của sắc, do căn bản thô hình thành, là trường hợp thứ hai. Nói tự tướng của sắc kia, kế là, có ba trường hợp nói về tướng mạo của nhân sắc kia, nghĩa là do bốn đại tạo thành, là “nhân y”. Do bất tịnh của cha, mẹ là “nhân sinh”. Mỗi thức ăn uống v.v... là nhân tăng trưởng.

Kế là có ba trường hợp nói về tướng mạo chuyển biến (đổi thay). Do thời tiết lạnh giá đã tác động, thường phải che đây. Do tư thế tác động, nên thường tắm gội. Vì làm việc nhọc nhằn, mệt mỏi, nên phải thường xoa bóp.

Sau, có bốn trường hợp nói về tướng đổi thay, hư hoại: Hai câu đầu nói về cảnh ép ngặt, hao hụt của phần vị sống, nghĩa là bị cắt đứt, phá hoại. Hai câu sau, nói về tác động sau khi chết, nghĩa là tán, diệt.

Hoặc do đánh đập tan nát, nên hoại diệt. Hoặc do tự nhiên tan rã hoại diệt. Chú thích rằng: “hai câu đầu, nói về cắt đứt, hai câu sau, là phá hoại tan nát, diệt hoại Pháp sư Khuy Cơ nói: Hai câu đầu là cắt đứt phá hoại, hai câu sau là bị người tán diệt nên tự nhiên tán diệt, là hai. Lại tán là một, diệt là hai.

Trong phần nói về ý căn, y theo “duyên” khắp việc của thời kỳ vô thỉ mé trước, để giải thích về viễn hành (đi xa), vì thời gian xa, nên cảnh rộng. Hoặc Tát-Bà-Da dẫn bài tụng này để chứng minh hiện chỉ có một ý thức, không có hai đều sinh. Kinh Bộ cũng dẫn bài tụng này để chứng minh rằng, Tâm vương không còn có tâm sở riêng.

Nay, trong Đại thừa, dù thừa nhận tám thức đồng một lúc sinh, nhưng ở trong một thức không có cả hai đều khởi, tức là pháp sư Đại Chúng bộ cho rằng ở thai có hai ý thức, nên nói: “Các tâm nối tiếp nhau, vì mỗi mỗi chuyển”.

Lại, nghĩa tâm thuộc về A-lại-da ư? Ở nhiệm chỉ một, ở tịnh chỉ một, vì một loại nối tiếp nhau, nên nói “Các tâm nối tiếp nhau, mỗi mỗi chuyển.” Vì thế, nên gọi là “Độc hành”.

Lại, phá nghĩa của Phệ-Thế sư: “Ta là chúa tể, ngự trị ở tâm, mà du hành khắp cảnh giới, nên nói “không có chúa tể”, nên nói rằng “Độc hành”.

Trong phần nói về căn nam, nữ, gồm có:

- 1- Thân múa.
- 2- Miệng hát.
- 3- Vẻ mặt tươi cười.
- 4- Mắt mở to.
- Bốn cử chỉ này ràng buộc lúc dạo chơi.
- 5- Dung nhan tươi tắn, xinh đẹp.
- 6- Mềm mại, trơn láng, êm ái.
- 7- Thờ phụng, cung kính.
- 8- Phận sự trẻ con phải thành tựu lễ.
- Bốn việc này buộc ràng khi thọ dụng.

Thứ tư, trong phần nói về mạng căn, có năm trường hợp, v.v..., người có mạng khác trụ, nên gọi là Trụ. Do thế lực tăng thượng của mạng căn kia. Đã làm cho uẩn được chuyển biến nối tiếp nhau, nên gọi là “Trì”.

Nói về năm thọ. Pháp sư Cảnh nói: “Mừng vui quân bình, ổn thỏa nơi thân, không hao tổn, gọi là “bình chánh thọ”. Đây là tự tướng, cộng tướng, nói là chủ thể nhận lãnh tướng y chỉ, nên y chỉ tức là thân.’

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Tự tướng, nghĩa là chỉ có hỷ, thọ, chỉ ở ý. Cộng tướng là Lạc thọ, vì có ở cả ở sáu thức. Tướng y chỉ, chính là chủ thể lợi ích thân y chỉ. Tự tướng, cộng tướng tức nêu ra thể của “bình chánh thọ”. Tướng y chỉ, tức thuộc về làm sáng tỏ Thọ.”

Nay, theo giải thích trước, không bình, chánh là tự tướng của ưu khổ, vì lấy hai tướng khác. “Câu phi” là xả.

Trong phần nói về tín căn, nêu ba câu kinh để hỏi: “Tịnh Tín vững chắc” là câu đầu. “Căn sinh kiến lập” là câu thứ hai. “Tất cả thế gian, cho đến “không có người đúng pháp, có thể dẫn đạo” là câu thứ ba. Dưới đây là Di-lặc giải thích kinh, dựa vào tín căn để nói, nghĩa là tiêu biểu chung nói là ý. Đây là chỉ rõ Tín kia đối với, nghe, tư duy, tu, nói là thuộc về căn trước sinh kiến lập, nghĩa là Tín thanh tịnh, có khả năng làm căn bản cho văn sinh ra tư duy, kiến lập Tu tuệ. Đây là giải thích câu thứ hai.

Về nghĩa Thắng giải vững chắc, nghĩa là giải thích ngay câu đầu. Lại, “Tịnh vững chắc này v.v... cho đến “huống chi hạng phạm phu”, là giải thích câu thứ ba. Trí giả, tức Sa-môn trên. Sa-môn phần nhiều tu học trí. Sinh, nghĩa là Bà-la-môn sinh vào dòng họ Cao quý. Chủ, tức ma trên trời làm chủ cõi Dục. Tịnh. Nghĩa là phạm, tức vua Phạm. Sau cùng, là câu chung bao gồm các câu trên. Nghĩa là vững chắc tùy phương tiện tín hiểu, chỉ bày rõ ràng về các pháp thiện vượt hơn. Trí sinh v.v... không thể nghiêng động. Đây là vì y theo tín vô lậu để nói, nên gọi là không nghiêng động, tức tín không hư hoại.

Lại, “nghĩa vững chắc v.v...” trở xuống, là giải thích lại. Nghĩa là niềm tin sâu sắc, kiến cố của người trí kia, do điều thiện thế gian v.v... Đây là nêu trí gia hạnh tương ứng với niềm tin định, làm căn bản cho Trí Vô phân biệt, nên niềm tin tịnh sâu sắc, vững chắc. Lại, “do xuất thế v.v..., vì niềm tin này tương ứng với trí vô phân biệt, nên gọi là kiến lập.”

Giải thích chung hai câu sau. Giải thích trước, cách giải thích sau đều có cả hữu lậu, vô lậu. Nhưng về kiến lập thì hơi khác nhau: căn trước sinh kiến lập, thuộc về văn, tư, tu. Theo giải thích sau, thì căn sinh kiến lập, nghĩa là tín hữu lậu sinh tín vô lậu v.v....”

Lại giải thích: “Tín tịnh, sâu xa vững chắc là niềm tin tương ứng với văn tuệ. Căn sinh kiến lập là Tín tương ứng với tư, kiến lập là tín tương ứng với tu, tức do văn, tư, tu đều thuộc về các câu trên. Phải biết rằng, đầu tiên là nêu câu, nghĩa là Tín, tịnh vững chắc. Hai câu sau là giải thích về câu nghĩa là căn sinh kiến lập tất cả thế gian v.v..., là giải

thích câu đầu.”

Nói về căn tinh tấn. Câu đầu trong bài tụng, là nói về hai tinh tấn của mặc giáp phương tiện. Câu thứ hai, là nói về hai thứ không thấp, không nghiêng động. Nửa bài tụng dưới, đồng chỉ bày rõ không có đủ.

Nói về niệm căn; có bảy thứ:

- 1- Niệm.
- 2- Đẳng niệm.
- 3- Tùy niệm.
- 4- Biệt niệm.
- 5- Bất vọng niệm.
- 6- Tâm ghi nhớ sáng suốt, không có quên mất.
- 7- Pháp niệm không có luống dối.

Giải thích rộng như Thứ tư.

Nói về sự khác nhau của Định căn, nghĩa là chín thứ tâm trụ. Nói về nghĩa khác nhau của Tuệ căn, nghĩa là bốn thứ Tuệ hạnh.

Dưới đây, là nói về nghĩa khác nhau của các căn còn lại, không còn có thể được, nghĩa là ba vô lậu sau, chỉ là giả gọi là. Thể thật tức là Tín v.v... nên không nói riêng.

Dưới đây là thứ ba, sẽ giải thích về nghĩa y xứ kia, được chia làm năm:

1) Y theo bốn niệm trụ để nói về y xứ, bảy xứ sắc căn, lập Thân niệm trụ. Đây là lập cảnh làm y xứ trụ cho Trí. Năm Thọ căn lập thọ niệm Trụ; ý căn lập Tâm niệm Trụ; tám thứ như Tín v.v... và mạng căn lập Pháp niệm trụ.

2) Y theo Bốn Đế để nói: Pháp sư Cảnh nói: “Chín căn khổ Đế y, nghĩa là chín căn sinh tử. Dựa vào bảy sắc ý với mạng căn. Năm thọ căn làm tập đế y, nghĩa là vì thọ tăng phiền não, nên tất cả căn làm Diệt đế y.

Trong hai mươi hai căn, nếu là nhiễm thì là vì đối tượng đoạn, nên làm đối tượng nương tựa (sở y) cho Diệt. Nếu là tịnh, thì vì là chủ thể trị, nên làm đối tượng nương tựa cho Diệt. Tám căn sau là Đạo đế y, rất dễ hiểu.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Khổ đế Thắng y có chín, nghĩa là bảy sắc và mạng, Xả. Tập năm, nghĩa là quả của năm thọ, vì gốc của tạp nhiễm.

Diệt đế tất cả nhiễm nghĩa là đoạn; được tịnh nghĩa là chứng đắc. Đạo có tám rất dễ hiểu.”

Lại, giải thích: “Khổ đế lấy căn Xả, nên trong Tập đế, trừ xả lấy

ý. Nếu trong khổ đế không lấy Xả thọ mà lấy ý căn thì tức tập đế lấy Xả căn.

3) Y theo ba nghiệp để nói. Trong đây, ác đối nhau để nói; lược qua không nói vô ký. Pháp sư Cảnh nói: “Khéo lo nghĩ đối tượng lo nghĩ có chín, nghĩa là năm thứ như tín v.v... ba căn vô lậu, ý và Hỷ, lạc, Xả, vì có cả vô lậu, vì có thể khéo tư duy, so lường.

“Khéo nói đã nói có mười”, nghĩa là ở chín căn trên thêm ưu căn, vì ưu căn thiện có thể khởi nói; “khéo làm đã làm có mười sáu”, nghĩa là trừ năm thọ căn và mạng căn, còn mười sáu căn.”

Hỏi: “ Hai căn nam, nữ sao gọi là khéo làm điều phải làm?”

Đáp: Vì có căn nam, nữ nên có thể dứt ác, tu thiện. Ba căn vô lậu dù đang ở trong định, nhưng vì là pháp xuất thế, nên cũng gọi là “làm những điều đã làm”.

“Ác tư Sở Tư”. Nghĩa là chỉ lấy ít bất thiện, ưu, hỷ, Xả, vì ở ý địa, lo nghĩ, đo lường nối tiếp nhau, nên trừ khổ, lạc. “Ác thuyết sở thuyết” cũng thế.

“Ác tác sở tác” có mười ba căn, nghĩa là bảy sắc, năm thọ và ý căn, trừ mạng căn và tám thiện căn” Pháp sư Thái nói: “Ác tư chỉ dựa vào ưu khổ, ý căn; Ác thuyết vì có cả hỷ, nên dựa vào bốn căn. Bốn căn ác tác, lại thêm năm căn nhãn v.v..., vì kể cả mạng căn, nên dựa vào mười căn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Khéo nói mười”, nghĩa là năm thứ như tín v.v..., ba vô lậu và ý, Xả.

“Khéo làm mười sáu”, nghĩa là trừ các căn nam, nữ, ưu, khổ, mạng, ý.

“Ác tư sở tư”, nghĩa là năm thọ và ý, vì lấy phần nhiễm. Hoặc năm trừ Xả, nói cũng đồng với thủ, vì cũng trái với khéo đến.” (Thiện lai).

Lại, giải thích: “Khéo làm mười sáu”, nghĩa là năm căn như nhãn v.v..., ý, mạng; năm căn như tín v.v..., hỷ, lạc, Xả, ưu.

“Hoặc ác tư”, nghĩa là ba chỉ dựa vào căn ưu, khổ, Xả. “Ác thuyết”, nghĩa là thêm hỷ căn thành bốn, “ác tác” thêm năm như nhãn v.v... và mạng căn nên mười, hoặc đều lấy hai căn nam, nữ, tức mười hai.

4/ Y theo “hoặc”, “nghiệp” để nói. Pháp sư Cảnh nói: “Chín căn là hơn hết, “hoặc”, “nghiệp” nương tựa, nghĩa là bảy sắc căn, ý căn và mạng căn. Chín căn này là “sinh tử y” (đối tượng mà sinh tử nương tựa), do mê sinh tử, khởi các “hoặc”, “nghiệp”.

“Năm căn khởi nghiệp phiền não”, nghĩa là năm thọ căn. Pháp sư

Khuy Cơ nói: “Chín: tức bảy sắc và Ưu khổ. Dựa vào năm thọ mà khởi nghiệp phiền não, tám dứt phiền não.”

5/ Y theo sự tốt lành để nói, trong đó có hai:

a) Nói về y xứ.

b) Nói riêng về sự khác nhau của điềm tốt lành. Pháp sư Cảnh nói: “Trừ hai, nghĩa là trừ hai căn khổ, lạc, vì khổ, vui của cõi Dục tồn tại ở năm thức, nên không thể nào nhận lãnh tất cả việc tốt lành của thế gian, xuất thế gian.

“Bại hoại mười một, nghĩa là năm căn như nhãn v.v..., năm thọ căn và ý căn. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Trừ hai, nghĩa là ưu, khổ. Bại hoại mười một, nghĩa là bảy sắc, ưu, khổ, và ý, mạng căn.”

“Như đức Thế tôn v.v...” trở xuống, là nói riêng về sự khác nhau của việc tốt lành, trong đó được chia làm ba:

1- Dẫn Thánh giáo, để nêu lên năm thứ Thọ căn kia đã tạo nên pháp tốt lành.

2- Giải thích riêng năm pháp.

3- Tổng kết: Năm lực sinh năm việc tốt lành.

Y theo trong giải thích riêng, ban đầu, giải thích về pháp nhãn nhục, do ba thứ hạnh, rất dễ hiểu, phân biệt có mười. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ba thứ đầu “duyên” ba đời, hai thứ kế, đó là ái, ngã, vì kẻ thù nên làm việc lợi ích; vì thêm tri thức của ngã, nên bị tổn hại. Tóm lại thuyết đã nói ở trước là kẻ thù thứ sáu, muốn khởi phương tiện đến hãm hại, cũng nhãn. Phương tiện của người đó là nhân oán ghét, hãm hại, là thứ bảy.”

Lại, giải thích: “Nhãn tất cả sự thù oán, hãm hại, nghĩa là chỉ gặp thù oán, nhãn nhin ngay.”

Nhãn tất cả nhân, nghĩa là nguyên nhân của oán ghét khởi, muốn hại, khởi nhãn.

Thọ lãnh giáo pháp là thứ tám. Thọ lãnh giáo pháp của người khác, vì nhãn, cho nên tự suy nghĩ, lựa chọn có thể nhãn, là thứ chín. Sinh tu tánh nhãn, nhãn oán hại mình là thứ mười. Hoặc có người thọ lãnh giáo đến hãm hại mạng, mà nhãn, gọi là thọ giáo oán hại nhãn. Hoặc người khác suy nghĩ lựa chọn giỏi, đến định hãm hại ta, gọi là Trạch lực nhãn. Tự tánh, nghĩa là bản tánh năng làm hại. Lại, nhãn tất cả nhân oán hại, nghĩa là lấy sự oán hại làm nhân. Lại, có trong sự nhãn các dục, đều có thể nhãn.

1- “Thọ lãnh giáo v.v...” trở xuống, là ba như thứ lớp phối hợp, nhãn tương ứng với Văn, tư, tu tuệ.

2- Giải thích về sự nhu hòa. Nhu hòa ở đây đâu khác gì với nhẫn? Chịu đựng sự trái hại của người, gọi là nhẫn nhục. Không gây trái hại người khác, gọi là biểu lộ như hòa, như vẫn rất dễ hiểu.

3- Giải thích về quán người mà xả. Trước nói về hai thời gian khác nhau quán người; sau, là nói về Xả.

Thời gian nhiếp thọ trong phần trước có năm rất dễ hiểu. Xử trí năm là:

1) Sự nghiệp có khả năng làm được: nghĩa là đặt để kinh doanh sự chúng v.v.... Kham tư, nghĩa là khiến cho học hỏi. Nghiệp có thể hòa, nghĩa là khiến hòa thuận sự tranh tụng.

Có khả năng gìn giữ thân, tài nghĩa là khiến giữ gìn tài vật.

2) Nghiệp có thể giữ pháp, nghĩa là khiến thực hành pháp thí.

Y theo trong phần nói về Xả, tùy thích hợp Xả, nghĩa là tùy bốn thời gian thích nghi mà thực hành tuệ Xả. Xả hơn hết, nghĩa là pháp thí.

3) “Xả tướng, Xả đủ, gọi là Xả”: Ngài Tam Tạng nói: “Tướng nghĩa là thể, tức Vô tham tướng ứng với tư; Đủ, nghĩa là nêu lên như trên.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Xả thể tướng của tướng, tức là Xả hơn hết thứ năm, vì Xả bản thân mình. Đủ, nghĩa là bốn thứ của cái nói trên” Lại, còn có cách giải thích: “Tùy thích nghi Xả, gọi là tướng Xả, ngoài ra gọi là Xả đủ.

4) Giải thích về công hạnh của bực Hiền Thiện, không có điền đảo, trái bỏ, nghĩa là lừa dối lấy tài vật của người, cho là của mình, gọi là điền đảo. Nay không có đoạn văn này.

5) Giải thích không buông lung: Tu các pháp lành có Nhân, có Quả. Nhân, quả thuộc nhau, đều gọi là tướng tu thiện. Việc ngăn ngừa tâm bất thiện cũng có nhân quả, tướng nhân quả thuộc câu gọi là ngăn ngừa tâm bất thiện, lẽ ra đều là tướng nhân, quả kia.”

Dưới đây kết năm thứ trước, gồm có năm lực, sinh năm thứ tốt lành. Năng lực của bốn thứ trước đều có thể sinh khởi bốn thứ tốt lành, không phối hợp riêng sự hệ thuộc. Một lực thứ năm, có thể sinh thứ năm. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Phối hợp riêng cũng được”.

Trong phần nói về chứng đắc thứ ba, được chia thành mười ba đoạn:

1) Vì duyên cảm được nghiệp phiền não ở trước, cảm được tám; nghĩa là bảy sắc căn và mạng căn, gọi là sắc làm “duyên”?

Đáp: “1) Nghĩa là ý căn.” Pháp sư Cảnh nói: “Ý căn là thức với



danh sắc làm duyên lẫn nhau”. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Sáu xứ, là thứ sáu. Xúc làm duyên có năm, nghĩa là năm thọ căn, vì từ Xúc sinh Thọ.

“Sức cố gắng làm duyên có tám”, nghĩa là năm thứ như tín v.v... và ba căn vô lậu.

2) Nói về ngăn ngừa gìn giữ: Trên điều phục, gọi là “đề phòng, gìn giữ. Tám.” Pháp sư Cảnh nói: “Bảy sắc và ý căn”. Vì sanh lỗi nên ngăn ngừa, gìn giữ. Pháp sư Khuy Cơ nói: Bảy sắc và mạng.

Nên đề phòng, nên điều phục Một. là ý căn.

“Nên lặng dứt Năm”. Nghĩa là năm Thọ căn, vì có thể thêm phiền não, nên cần phải lặng dứt.

“Tự điều, điều người khác có Tám”, Nghĩa là năm thứ như tín v.v... và ba vô lậu.

3) Nói về Xả bỏ, dứt thối lui. Xả, nghĩa là đồng với căn của Địa, Giới; tử sinh của Địa hiện tại, trước diệt, sau sinh. Bỏ, nghĩa là tử, sinh của Địa khác, diệt còn lại, sinh còn lại. Đoạn, nghĩa là dứt trừ sự ràng buộc của phiền não trên. Thối, nghĩa là đối với việc hưng thịnh của thế gian, hoặc quyết định lui mất, hoặc sinh lui mất.

4) Nói về căn của ba thừa khác nhau. Người nhị thừa đều học Nội minh, bất thiện xảo còn lại, nên gọi là gìn giữ một phần.

Bi Quyển sách: Quyển (lựa) không lìa sinh tử, như ngựa bị mắc lưới. Năm minh dựa vào Vị Chí, khi được quả, khởi hỷ của định ban đầu. Pháp sư Cảnh nói: “đây chẳng phải y theo siêu việt chứng quả thứ ba, nên nói rằng: Lại đồng với luận Tiểu thừa nói: Theo thứ lớp. Người chứng quả Bất hoàn, đạo giải thoát thứ chín để biện luận.”

Hỏi: “Vì sao không hỏi đáp, để nói về lý do được khởi lạc ư?”

Giải thích: “Hỷ, lạc của tĩn lực sơ, nhị, một, chỉ là một hỷ, khiến bên cạnh tâm vui vẻ, gọi là Hỷ; làm cho nghĩa bên cạnh thân vui vẻ, nói là lạc. Nhưng vì Hỷ là căn bản, nên luận gia nói riêng được tướng khởi, không khởi.”

Pháp sư Thái nói: “Thật ra. Nên nói là lạc, chỉ vì Địa khác nhau, nên không nói lạc, vì lạc ở định thứ ba”.

5) Lại nói: “Vì hai nhân nên được khởi Hỷ căn:

1) Do căn nhạy bén.

2) Nhiều thiện giúp.

Căn cơ nhạy bén tuệ giải thoát, vì không có nhiều căn bản thiện, nên không thể khởi. Căn chậm lụt, đều giải thoát, dù nhiều căn bản thiện, nhưng vì độn căn (căn chậm lụt) nên khi đắc quả, không được khởi Hỷ, khi đắc quả rồi, tu riêng chín định.

6) Nói nhập tám định. Pháp sư Cảnh nói: “ tám căn nhập sơ tĩnh lự. Nghĩa là Hỷ, xả trong Địa Vị Chí, khởi lẫn nhau thành hai, lại thêm ý căn; năm căn như tín v.v... gọi là tám căn nhập.”

Văn ở trên nói: “Dựa vào định Vị Chí chứng quả thứ ba, giải thoát thứ chín, người căn nhạy bén được khởi Hỷ của Địa căn bản; kẻ căn chậm lụt không thể. Nếu chủ yếu lấy Hỷ của Địa căn bản, gọi là tám căn, thì người căn chậm lụt, khi đạo giải thoát thứ chín, sẽ không khởi Hỷ của Địa căn bản, lẽ ra thừa nhận bảy căn của người này được nhập định ban đầu? Văn dưới đây nói: “Ba tĩnh lự đều là tám căn nhập, không có tiến, lùi, biết rõ tám căn đều lấy căn bản của Địa phương tiện, có Hỷ trong địa phương tiện thứ ba, trừ Hỷ, cũng có tám căn nhập căn bản. Tĩnh lự thứ tư trở lên, phương tiện căn bản chỉ có một xả. Bảy căn, chủ thể nhập, cũng có chỗ nói tám căn nhập trong ba định dưới, Hỷ và lạc đều lấy địa căn bản. Giải thoát thứ chín dù có người căn cơ chậm lụt, vẫn không khởi Hỷ, lạc của Địa căn bản.

Y theo vào chủ thể khởi để luận, nên nói tám căn: giải thích sau là hơn. Trở xuống là văn nói chứng quả Dự lưu, hoặc một, hoặc tám. Năm căn như Tín v.v... ý xả và Vị Tri. Nếu dựa vào Địa Vị Chí thì lấy đủ tám căn, tức lẽ ra chứng quả Dự Lưu cũng sử dụng tám căn, nhưng sao lại thêm Vị Tri căn mới có tám ư? “

Pháp sư Thái đáp: “Phương tiện của Sơ định có xả, căn bản có Hỷ. Năm thứ như tín v.v... ý, phương tiện, căn bản đều có, nên nói tám căn nhập. Dù lạc căn, nhưng vì nhỏ nhiệm, nên không nói. Ba căn vô lậu sau, bậc Thánh có thể nhập, phàm phu không thể nhập, nên nói: “Một phần có thể nhập: một phần thì không thể”

Luận sư Bị nói: “Theo đạo lý của Đại thừa, thiên Sơ, Nhị đều có Hỷ, lạc, thọ kia. Nhưng vì các thọ ở Địa riêng, còn lạc thọ thì ở ba thiên; cho nên, trong thiên Sơ, Nhị không nói đến lạc thọ nhập

Nói: “Thứ ba cũng có tám, nhưng chẳng phải tức kia, nghĩa là trừ Hỷ, lấy pháp khác, nghĩa là như bảy căn của năm địa tiền, sau có thể nhập: năm căn như tín v.v... ý, xả, ba căn sau không nhất định. So với trước rất dễ hiểu.

7) Nói về chứng đắc bốn quả v.v... Được quả Dự Lưu hoặc một, nghĩa là vị tri căn. Đây là y theo chung. Hoặc tám: tức năm căn như tín v.v..., ý, xả và vị tri căn, kết hợp chung riêng để nói. Hoặc hai, hoặc chín, được quả Nhất Lai. Nghĩa là nếu là người theo thứ lớp thì dựa vào Dĩ tri căn mà được. Nếu là người siêu việt thì nương vào vị tri căn được, nên nói “hoặc hai”. Hai là: năm căn như tín, v.v... của gia hạnh trên và

ý, xả, cho nên thành chín.

Hỏi: “Bậc thánh chưa lìa dục, thường có ưu căn, làm đối tượng nương tựa của đạo, vì sao không nói là ưu căn được quả Sơ, Nhị ư?”

Luận tự giải thích: “Dù đối tượng nương tựa của đạo vì bao gồm phi đạo, nên không lấy.” Lại hỏi: “Định vi chí đã có Hỷ căn; thể của quả Sơ, Nhị đã nương tựa định Vị Chí, mà được, vì sao không lấy Hỷ căn được ư?” cho thế, nên luận giải thích rằng: “vì chẳng phải trụ vững chắc. Nếu chung thì sẽ thêm sơ căn kia, nghĩa là Dự lưu tám căn, thêm hỷ là chín; Nhất lai thêm hỷ là mười, được quả Bất Hoàn, hoặc mười một nghĩa là năm căn như Tín v.v..., hỷ, lạc; xả, ý và vị tri, đương tri, dĩ tri. Đây là gồm chung siêu việt, thứ lớp để luận.

Hoặc hai, nghĩa là Vi tri, đương tri, dĩ tri, giả căn siêu việt, thứ lớp khác nhau. Vì hợp luận nên có hai.

Được quả La-hán hoặc một, nghĩa là chỉ y theo vào căn chung, nghĩa là Dĩ tri căn, tức đạo học sau cùng của tâm Kim cương.

Hoặc mười nghĩa là kết hợp chung, riêng để luận, nghĩa là năm căn như tín v.v..., hỷ, lạc, xả, ý và Dĩ tri căn. Đắc quả trong đây là y theo đạo Vô gián, không đồng với Ca Diên (Ca Chiên Diên) lấy chung đạo giải thoát. Nay, đắc quả ở đây chỉ lấy đạo Vô gián, nên biết thuyết trước nói nhập định, chỉ lấy chủ thể nhập, không lấy đối tượng nhập.”

Lại giải thích: “Được quả chỉ lấy chủ thể được, còn nhập định thì lấy chung “năng” “sở” (chủ thể nhập, đối tượng nhập), đều y theo một nghĩa nghĩa ảnh lược, làm rõ lẫn nhau.

8) Giải thích về ưu căn trong kinh có bốn nghĩa. Trước, giải thích bốn nghĩa; sau, y theo vào bậc thánh, nói về đủ không đủ.

9) Nói về nghĩa của xả căn. Trước nói xả thọ căn; sau, nói xả vô lậu căn:

Dựa vào một tánh xả, để xả chủng tánh xả, nghĩa là dựa vào điều có với định xả; tâm tán xả; không có đối tượng nương tựa xả; vì được y chỉ nên xả.

Dựa vào một tánh xả, nghĩa là dựa vào “duyên” vô lậu xả của cõi vô tưởng, xả cái xả của định hữu lậu”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Xả của cõi Vô Sắc, chỉ “duyên” pháp trần, gọi là một tánh xả. Cảnh cõi Sắc nhiều, gọi là các thứ xả; duyên vô tâm, gọi là không có đối tượng nương tựa xả; “duyên” hữu tâm, gọi là một tánh xả. Nay, “duyên” “không tâm” xả, để xả “duyên” “hữu tâm” xả. Khi được Sơ quả xả vị tri căn có sáu nghĩa:

1- Cũng diệt, nghĩa là vô thường diệt.

- 2- Cũng xả: được quả, xả hưởng.
- 3- Phi khởi: Không hiện khởi.
- 4- Mà bỏ: Vì vĩnh viễn đã xả hẳn.
- 5- Phu đoạn: nghĩa là vì chẳng phải cái do đạo dứt trừ.
- 6- Phi thối: Vì đã chứng Trạch diệt.

Dĩ tri căn có sáu, y theo đây rất dễ hiểu, nên lược qua không nói.

Hai quả giữa xả. Pháp sư Cảnh nói: “Đây là nói dựa vào Dĩ tri căn của tâm thứ mười sáu, khi được quả Dự lưu, xả vị tri căn của mười tám tâm trước. Y theo sự thật được quả, tức ở Chân kiến đạo dứt trừ hết “kiến hoặc”. Lúc bấy giờ được quả, do Chân kiến đạo không có tướng, khó biết, nên ở tâm thứ mười sáu của kiến đạo phán quyết lập quả ban đầu. Hai trong chứng siêu việt, cũng ở vào thời gian này.”

Hỏi: “Lúc được quả ban đầu, xả vị tri căn, là xả hiện hành hay xả hạt giống?”

Đáp: “Có hai thuyết:

- 1- “Xả hạt giống.”
- 2- “Chỉ xả hiện hành, hạt giống vẫn còn.

Nếu là nhị thừa tánh quyết định, thì lúc nhập vô dư, sẽ tùy ở bản thức một thời gian cùng xả. Nếu là tánh bất định hưởng về người Đại thừa với hạt giống vô lậu yếu kém. Và, hạt giống vô lậu yếu kém của các giới Địa trong mười Địa. Lúc tâm Kim cương, tùy ở bản thức, nhất thời đều xả. Hạt giống vô lậu của công đức cao quý mà Chư Phật đã có với trí Viên Cảnh, nhất thời cùng sinh.”

10/ Nói về rèn luyện căn, chứng đắc. Đầu tiên, nói về người luyện căn. Kế là, nói về chứng đắc. Sau nói về lý do chuyển căn.

Trong phần trước, có cả Học, vô Học. Năm chủng tánh trước đều được rèn luyện căn, trừ Độc giác, Bồ-tát, vì căn cơ nhạy bén, nhưng luận Hiển Dương chép: “Khả năng gặp chỉ tiến bộ, nghĩa là vì y theo hóa độ căn chậm lụt, nên lập ra thuyết này.”

Lại, Đối Pháp chép: “Bồ-tát rèn luyện căn, nghĩa là y theo vào ba phẩm trong thừa mình, vì chuyển tăng làm ngữ, nên không trái với văn này.

Kế là, nói về chứng đắc. Nếu Dự lưu luyện căn cũng chứng quả Nhất lai.”

Pháp sư Thái nói: “Lúc Sơ quả muốn chuyển đổi căn, tác ý mong cầu căn nhạy bén, lại cầu quả Nhất lai, khi có thể dứt trừ “hoặc” sáu phẩm, được quả Nhất lai, có khả năng thấu suốt Kiến chí, cũng là đạo Vô gián, song đoạn căn quả sự tánh chướng. Nếu khi dứt trừ riêng,

chiêu cảm quả khác nhau, hai chướng dứt trừ riêng.

Hỏi: “Căn che lấp vô tri là có chín phẩm hay không có? Nếu có chín phẩm, thì căn sẽ che lấp sáu phẩm không có gian đoạn, về nghĩa ấy có thể như thế. Căn che lấp ba phẩm sau, vì sao không có gián đoạn ư? Nếu không có chín phẩm, thì sẽ không có pháp hữu lậu, chỉ là một phẩm, vì chín địa của ba cõi có khác nhau, làm sao căn che lấp không có chín phẩm ư?”

Đáp: “Nên nói rằng: “Căn che lấp nhuộm phẩm với “hoặc” thứ sáu dứt trừ tức khắc cùng một lúc, do sức tác ý có khả năng.”

Lại, giải thích: “Tất cả Hữu học lúc rèn luyện căn, một đạo Vô gián dứt trừ chướng ngại các căn. Năm vô gián trước chỉ dứt trừ chướng quả. Đạo Vô gián thứ sáu dứt trừ ngay một lúc, một phẩm che lấp quả, chín phẩm che lấp căn.” Nếu tạo nên cách giải thích này thì sẽ đồng với luận Tiểu thừa, cách giải thích này là hơn, vì Đại thừa không có vấn đề này. Vì luận Tiểu thừa có chứng, nên các pháp môn chung, lẽ ra đều như thế.

Không chứng Bất hoàn. Pháp sư Thái, Pháp sư Cảnh v.v... đều nói: “Sơ quả luyện căn, vì sao không được quả Bất Hoàn? Chính là do hai nhân:

1- Khi lìa cõi Dục, là nơi chướng ngại trong ba chướng, vì khó đối trị, nên gọi là “Trị khó được.”

2- Đạo quả đã được nhất định v.v..., vì công đức rộng lớn, nên cũng có thể vì quả vô vi quá nhiều, cho nên Luận chủ không nói Nhất lai chuyển căn, được Bất hoàn là vì vượt qua cõi Dục là chỗ khó, tất nhiên không được quả.”

Luận sư Bị nói “Nhất lai luyện căn, không chứng Bất hoàn, vì có hai nguyên nhân:

1) Bất Hoàn luyện căn tiến đến lìa dục, nghĩa là khi luyện căn, tác ý mong cầu tiến đến dứt trừ “hoặc” cõi Sắc.

2) Không chứng ứng quả, là vì xuất ly giới là khó và vì khởi làm nhiều việc. Sau khi chuyển căn xong, tất cả đều chứng, nghĩa là chuyển được căn nhạy bén xong, nếu dứt trừ “hoặc” cõi Sắc và chứng La-hán tất cả đều được. Hoặc có thể Dự lưu v.v... được chuyển căn xong. Dứt trừ “hoặc” chứng quả, tất cả đều được, chứ chẳng phải riêng Bất hoàn.”

Dưới đây, sẽ nói về lý do chuyển căn, tức có năm nhân: Nhân đầu, đối với căn chậm lụt không hỷ tức, lại có bốn; đối với căn nhạy bén, ưa mong cầu được dẫn đến định vượt hơn, nên tìm căn vượt hơn chuyển được căn nhạy bén, tìm hết ba tạng, học rộng, không giả dối, nhanh

chóng bàn luận đến quán trí, Chân như trí, gọi là pháp nhẫn rất sâu; như từ hạt tử thối, cấu tư duy, mà cần phải luyện căn, từ Thanh văn, cầu Độc giác. Hoặc hồi tâm hướng về Đại thừa, cũng cần phải luyện căn.

11/ Nói về kiến lập ba căn. Hỏi: “Căn Vị tri, Đương tri về mặt lý, có cả địa tiên, kể cả kiến đạo. Nay, vì sao lại nói riêng về hạnh Địa Thắng giải lập vị tri căn ư?”

Luận sư Cảnh nói lại lời Ngài Tam Tạng “Đoạn văn này y theo vào Vị tri căn của phần vị Tăng-kỳ ban đầu, cho nên chỉ nói Thắng giải hạnh địa kiến lập căn đầu tiên. Y theo lý, kết hợp nhập Sơ Địa và địa tiên, lập chung căn ban đầu. Pháp sư Thái nói lại hai cách giải thích của Ngài Giới Hiền:

1- Bốn địa vị như Thập Tín v.v... của địa tiên, đều gọi là Thắng giải hạnh địa. Chưa biết Sơ địa đầy khắp Chân như, muốn biết Chân như kia, cần phải tu tập Thắng giải tiên phương tiện của địa tiên, nên gọi là căn Vị tri, Dục tri. Đây là chưa biết riêng (Vị đơn tri), muốn biết riêng (Dục đơn tri) không đồng với nghĩa Vị trùng tri (chưa biết lại) Dục trùng tri (muôn biết lại) trong mười lăm tâm kiến đạo.

Xưa gọi là tịnh tâm địa, vì không thuận với bản Phạm, nên nay, ngữ đúng gọi là Tịnh tăng thượng ý lạc địa. Chánh tri của sơ địa đầy khắp Chân như. Nên gọi là tri căn, tức so với chín địa, nên biết cũng thế.

Mười Địa trở xuống vì chương chưa dứt hết, nên sự nhận biết không sáng suốt. Trong Địa Như lai, vì chương đã hết, nên sự nhận biết được rõ ràng. Cho nên gọi là Cụ tri.

Xưa nói: “Dục tri căn cũng là Tri, Dĩ tri căn, đều trái với tiếng Phạm.”

2- Hạnh giải của địa tiên và Sơ địa chưa phát ra Chân như trở lại, đều là giai vị Vị tri căn. Nay, văn luận này vì nêu phương tiện trước, nên dựa vào địa tiên để lập căn đầu. Từ Sơ địa phát ra quán về sau, vì thuộc về căn thứ hai, nên đối với Tịnh tăng thượng ý lạc địa v.v... lập căn thứ hai. Nay, theo lý Duy thức luận, ta thấy thời gian kiến đạo ban đầu cũng thuộc căn đầu, chỉ vì thời gian đi nhanh, nên lược qua không nói.”

12/ Nói về ba mãn. Luận sư Cảnh nói: “Học có ba mãn, đồng với luận Tiểu thừa. Cho nên luận ấy nói rằng: “hoặc quả Hữu Học mãn, hoặc căn; hoặc chánh thọ; hoặc giả cả ba đều cùng mãn. Vô học có hai cũng thế. Vì không có quả vô học mà không mãn, nên không nói quả mãn. Do đối với chưa mãn mà nói mãn, nên dù học tám giải thoát, nhưng ý lấy thứ tám diệt tận, giải thoát, gọi là định mãn.”

Hỏi: “Quả hữu học, vô học, trong ba quả Học, lập riêng Bất Hoàn làm quả mãn; định có hữu tâm, vô tâm khác nhau. Lập riêng tướng bị, mãn trong định hữu tâm, căn có sáu thứ riêng, nên lập mãn trong căn chậm lụt thứ năm?”

Giải thích: “Lúc được Bất hoàn, vì không, không bao giờ lui mất, nên lập quả Học mãn, chứ chẳng phải tướng có trong tâm định. Dù là mãn, vô thì dù được, nhưng vì vẫn còn lui mất không nhất định, nên không nói mãn. Chủng tánh thứ năm cũng có mãn thối lui. Hạt giống gốc có nghĩa mất hẳn, nên đều không lập mãn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Đều là vì luận trong học, y theo học trong câu hỏi để hỏi. Ba pháp này đều có thể tánh riêng. Như căn mãn, thì quả Sơ, Nhị cũng được; định mãn, thì cần phải dứt trừ hết chũnh tử” hoặc” của thiên thứ ba trở xuống, cho nên đặc diệt định, mới được. Quả mãn, tức chỉ dứt trừ chín phẩm cội Dục; một phẩm của Địa trên chưa dứt, sẽ được ngay. Vô học cũng có ba tự thể riêng:

1) Căn mãn. 2) Định mãn. 3) Quả mãn. Tức là tất cả.

Quả mãn trong đây không thể so sánh nói là định có cả cả hữu tâm, vô tâm, bởi vô tâm được rồi, mới được định mãn; quả có cả Hữu học, Vô học, Vô học được rồi, mới thành quả mãn, vì định vô tâm trong định là nặng; chướng quả, chướng kiến đạo là nặng.

13- Năm câu như căn không điều phục v.v... trong giải thích kinh, trước hỏi, sau đáp.

Trong phần đáp có ba:

1) Giải thích các căn không điều phục.

2) Nói do căn không điều phục (uốn nắn) nên dẫn đến các khổ.

3) Nói về khéo điều phục, sẽ dẫn đến các vui sướng.

Trong phần trước “do bốn nhân duyên của tâm, gọi là căn không điều phục”, đây là nêu chung. Dưới đây, là giải thích riêng lẻ.

Trước, giải thích ngược lại bốn điều phục:

“Nghĩa là cho đến “Khiến không buông thả”, nghĩa là do văn, tư tuệ phân biệt chọn được, mất hàng phục căn đối với cảnh, là một nhân duyên.

“ Nếu nên buông thả v.v... cho đến “khiến không hiện khởi”, nghĩa là ngăn ngừa, gìn giữ căn lâu ngày, cảm thấy mệt mỏi, tạm thời buông lời chấp cảnh, mà vẫn canh chừng phiền não không để hiện khởi là nhân duyên thứ hai.

“Sức đoạn đối trị trở xuống, cho đến, “vì tánh không chấp mắc” nghĩa là do sức đoạn đối trị của tu tuệ kia là đồng ba nhân duyên làm

tánh phiến não, không còn hiện hành nữa, là nhân duyên thứ tư.

Kế là, giải thích thuận không điều phục. Không điều phục là nói chung. Bốn nhân như không gìn giữ v.v.... Là giải thích không điều phục ý. Dưới đây là kết chung điều phục.”

Lại giải thích: “Bốn nhân không gìn giữ v.v... như thứ lớp phối hợp, phân biệt bốn nhân như sức lựa chọn v.v... dẫn đến khổ, dẫn đến vui, cách hành văn, rất dễ hiểu. Nói về chứng đắc đã xong.

Trong phần nói về thuộc nhau, chia làm sáu:

**I. Nói về hữu tình ba cõi, gồm mười bốn căn**, chứ chẳng phải mười bốn gồm thân ba. Mười bốn căn, nghĩa là trừ năm căn như tín v.v..., ba vô lậu là tám; còn lại, có mười bốn là sinh tử y. Luận A-tỳ-đàm chỉ nói chỉ nói chín căn là sinh tử y; bảy sắc, ý, mạng, căn. Mười bốn căn không không thuộc năm trần phù căn. Sắc uẩn, uẩn chung hoàn toàn. Pháp chẳng phải căn trong hành uẩn là hữu tình của ba nhóm, chẳng thuộc về căn.

Cả hai đều không thuộc, nghĩa là sắc pháp phi tình của năm trần ngoài.

**II. Nói về năm Thọ, lại gồm thân lẫn nhau.**

**III. Nói về phẩm giác thuộc năm căn như tín** v.v..., căn không thuộc về phẩm Giác.

Chính giữa sáu, nghĩa là chánh ngữ, chánh nghiệp chánh mạng trong tám chánh.

Hỷ, khinh an, xả trong bảy giác chi, được chia ra hoặc làm ba, nghĩa là chánh ngữ, chánh nghiệp chánh mạng thêm hỷ, khinh an, xả làm một, đủ Hỷ, khinh an, xả tức chỉ có bốn.

“Nếu vậy, chánh tư duy trong tám chánh, đối với năm căn như tín v.v... thuộc trong căn nào mà vẫn không nói?”

Đáp: “Chánh tư duy là tâm, Tâm, nghĩa là giả, lấy tuệ làm thể.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Vì văn luận này được chia y theo chánh tư duy, nên dù phát ra lời nói gia hạnh, không đồng với Tiểu thừa là Tâm. Nay, lấy tuệ sở y làm thể.

**IV. Nói về ba căn vô lậu thuộc năm căn như tín**, v.v... năm căn này không thuộc về bốn trong ba vô lậu về thể của chín biến tri và hai mươi hai căn đều không thuộc nhau, vì biết khắp (biến tri) tức là thể của Trạch diệt vô vi của nghiệp kiến tu hoặc dứt hết. Biến trí, là trí. Vô vi là từ nhân được tên xưa gọi là Đoạn trí, đoạn là quả trí, nên gọi là đoạn trí. Luận Tiểu thừa nói: “Được vô lậu đoạn đắc. Và thiếu đệ nhất hữu diệt hai nhân vượt qua quả; nên lập chín biến tri. Nay, trong văn luận



này lược bêu hai duyên.

1) Do thấu suốt đế lý, dứt trừ kiến hoặc, nên lập sáu biến tri.

2) Do dứt trừ tu hoặc, vượt hẳn qua cõi nên lập ba biến tri. Đây là nói chung về phước lập.

Kế là, nói riêng hai nhân. Trước, nói về nhân đầu, để lập biến tri, lược có hai trường hợp.

1) “Do tướng đồng phần, giới không đồng phần, nên lập hai biến tri, nghĩa là vì khổ, tập của cõi Dục là một vật, nên gọi là tướng đồng phần; vì không hợp lập với cõi trên, nên gọi là giới không đồng phần, là biến tri ban đầu, do khổ, tập của hai cõi trên là một vật, nên gọi là tướng đồng phần.”

2) “Vì giới hợp lập một đoạn tri, nên gọi là giới đồng phần. Ngài luận chủ nói lược, nên nói rằng: “và đồng phần”, là biến tri thứ hai”.

Hỏi: “Theo lý Đại thừa thì khổ chưa hẳn là tập, như uẩn sau của A-la-hán là khổ, chứ không phải tập, vì sao thế, tướng của khổ, tập lại gọi là đồng phần ư?”

Vấn đề này có hai cách giải thích:

1- “Y theo vào môn lý tùy chuyển để giải thích như thế này, như Luận sư Bị nói”

2- “Tướng đồng phần có hai nghĩa:

a) Đồng tướng hữu lậu.

b) Đồng tướng hữu vi, nên gọi là đồng phần.

Hai đế lý diệt, đạo đồng là vô lậu, nhưng không có đồng thứ hai, nên không gọi là đồng phần.

Kế là, nói rằng: “tướng không đồng phần, giới không phần và vì đồng phần, nên nói là bốn biến tri, nghĩa là diệt, đạo của cõi Dục, có khác với thế, gọi là tướng không đồng phần, tức hai đế diệt, đạo của cõi Dục, “hoặc” đã hết, đều lập biến tri, gọi là giới không đồng phần. Và đồng phần: Đây là nói lược, nói cho đủ là tướng không đồng phần và giới đồng phần.

Nghĩa là Diệt đế, Đạo đế của hai cõi trên khác nhau, gọi là tướng không đồng phần. Hai cõi kết hợp lập, gọi là giới đồng phần, tức đối với diệt, đạo đều lập biến tri, nên nói có bốn.

Kế là, nói về nhân sau, như thứ lớp của nhân đó vượt qua ba cõi, nên lập ba biến tri.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Trong đây, hoặc hai nghĩa là người Dự Lưu vượt lên trên chứng quả thứ tư. Hoặc ba, nghĩa là siêu việt người chứng quả Bất Hoàn, về sau, lia dục của Sắc, Vô Sắc. Hoặc bốn, nghĩa

là người chứng quả Dự Lưu theo thứ lớp chứng. Về sau, lìa dục của ba cõi. Kiến đạo trong Đại thừa chỉ một phẩm.

Cho nên như thế hoặc năm, tức bốn đế của Dự lưu là bốn. Đại thừa cũng không cần phân chia thời gian khác nhau của giới địa, chỉ một đế là một Sát na. Hoặc bốn siêu việt chứng quả A-la-hán, nên năm. Hoặc sáu; tức Nhị thừa kiến đạo có cả ba tâm, vì tu đạo có ba. Hoặc bảy, nghĩa là nay, bốn đế của kiến đạo tu đạo có ba, nên là bảy. Nay kiến đạo Bốn đế tu đạo có ba, nên là bảy, hoặc chín: như văn luận.

Môn tùy thuận lý hoặc có mười, như đế của mười Địa. Không có một trong đây, nên có tám.

**VI. Nói về một trăm bốn mươi pháp Phật bất cộng** (không chung) với hai mươi hai thông bát thuộc nhau:

Nói: “Các tướng thiết căn tùy hảo và thuộc về v.v... bốn căn y xứ”. Nghĩa là đức Như lai dù có ba mươi hai tướng tám mươi tùy hảo, với hai mươi hai căn thuộc nhau, nhưng chỉ là một căn, cái gọi là thiết căn nghĩa là nói Như lai được tướng thượng vị. Mắt màu xanh biếc, y theo vào nhãn căn ấy để chấp phù trần căn. Tướng Mã âm tàng, tức y theo vào nam căn để lấy phù căn trần lười le ra che khắp mặt, khắp cả thế giới đại thiên v.v.... Lấy Thiết căn ấy làm phù trần căn. Như lai nói nhục kế trên đỉnh đầu. Sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày. Bàn chân bằng phẳng. Ngực như ngực sư tử, tay dài quá gối, bảy chỗ đầy đặn; gót chân, mu bàn chân, cao như bắp chân của nai đầu đàn. Lông trên thân hướng lên trên, mỗi lỗ, một sợi lông, có bánh xe ngàn cãm; da màu vàng ròng v.v.... Và nêu thân căn, phù trần căn, tướng y tùy hảo, cho nên, tướng hảo dù rằng rất nhiều, nhưng chỉ là thiết căn, kể cả bốn căn thuộc về y xứ. Mười lực là tuệ căn và cụ tri căn, nghĩa là về lý, mười lực chẳng phải chỉ là tuệ, cũng lấy năm căn như tín v.v... đồng thời. Do công năng chiếu cảnh của tuệ, nên nói riêng là tuệ. Vì mười lực ở địa vị Vô học, nên bao gồm cụ tri căn. Bốn vô úy, năm căn và thức thuộc về một cụ tri căn này, như vô úy, không gìn giữ cũng thế, đều dùng tín v.v... và Cụ tri căn lám thế. Và không gìn giữ vô úy, y theo chung năm căn phát ra thế, nghĩa là vì không có mạnh yếu, đều dùng làm thế.

Hoặc là môn ảnh lược, ba thứ niệm trụ chẳng thuộc về căn v.v..., như trong chúng có người nghe Phật nói, sinh tâm vui mừng thì tâm Phật không tham, nghe Phật nói sanh hủy báng thì Tâm Phật cũng không giận, hoặc có một chúng vừa tin vừa chê bai. Tâm Phật bình đẳng, cùng không tham không giận. Đối với ba chúng này bình đẳng không hai. Do năm căn như tín v.v... và Cụ tri căn đã dẫn phát hai điều thiện vô tham,

vô sân làm tánh; vô si hoặc chung, hoặc hạn chế chỉ sinh ở trong xứ.

“Đại bi và đến chẳng thuộc về căn”: Câu văn này là chứng tỏ ngoài số tuệ trong năm Biệt cảnh, thì có riêng pháp không quên mất của vô si, Như lực. Nhất Thiết Chứng Diệu trí cũng thế.

“Dứt trừ hẳn tập khí thuộc về phi căn v.v..., tức là Trạch diệt vô vi dứt trừ hẳn tập khí (thói quen).

Dưới đây là hỏi đáp, để nói về phiền não thô, nặng mà La-hán dứt trừ hẳn, đâu có chưa dứt, dứt gọi là Như lai?”

Đáp: “Phẩm Dị thực thô, nặng, chỉ có đức Như lai dứt”. Pháp sư Cảnh sơ rằng: “Phiền não dù dứt trừ, nhưng cũng có thể mạnh mẽ, thô nặng khác của phiền não, trú ẩn trong thức A-lại-da Dị thực, có thể khiến ba nghiệp của Nhị thừa có lỗi.”

“Song Túc Trích Như, Lâm Trung Ốt Mạc v.v...”. Bổ khuyết: Các hạt giống dị thực có tánh rộng lớn tối tăm, gọi là thô nặng.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Hạt giống pháp chấp thuộc về phẩm Dị thực trong bốn vô ký. Phẩm, ý nói phẩm loại, là hạt giống Dị thực. Đây là luận Phật Địa giải thích. Nay do có tính chất thô, nặng mà Đức Như lai đã dứt trừ hẳn.

Nói trong bốn cách ăn, vẫn có chín thứ khác nhau biệt:

1/ Biện biệt về số loại thức ăn và giải thích nghĩa thức ăn. Sắp giải thích văn thì trước, phải nói về nghĩa. Đối trị thứ năm, nói: “Thế nào là ăn? Có mấy cách ăn? Vì sao nên quán thức ăn?”

Nói là vì đổi thay hư hoại, nghĩa là vì cảnh giới, nên có cảnh giới, vì hy vọng nên có hy vọng, vì lấy nên có lấy, là nghĩa ăn:

1- Đoạn thực: Do khi đổi thay, hư hoại, nuôi lớn căn đại.

2- Xúc thức: Do dựa vào cảnh đáng yêu, Xúc gồm thân có ích cho đối tượng nương tựa.

3- Tư thực: Do sức trói buộc ý, hy vọng việc đáng yêu, bao gồm đối tượng có ích đối tượng nương tựa.

4- Thức thực: Do sức giữ gìn của A-lại-da, thân được trụ. Vì sao? “Vì nếu lìa thức này, là đối tượng nương tựa, thì thân sẽ mục nát hư hoại. Ba uẩn, mười một giới, một phần năm xứ là thức ăn.”

Giải thích: “Tư Xúc có cả hữu lậu, vô lậu chỉ lấy hữu lậu. Thuộc về cả vô lậu trong ý giới. Lại-da tức là hữu lậu trong ý giới làm thức thực. Như hương, vị, xúc v.v... trong đại địa ngục đều chẳng phải thức ăn. Hoàn sắt nóng, nước đồng sôi càng thêm đau khổ, không thể thuộc về lợi ích, nên chẳng phải thức ăn, không đồng với luận Tiểu thừa cho rằng, hoàn sắt nóng sôi dù rằng thêm khổ nhưng vì làm hết đói khát,

cũng là thức ăn. Luận này quyển sáu mươi sáu chép: Nếu là đoạn hoặc thô thì năm đường đều có. trong bốn đường còn lại là ba thứ hương, vị, xúc. Nếu chết thì thức ăn, sẽ biến đổi thay, hư hoại,”

2/ Kế là nói rằng: “Trưởng dưỡng được gọi là thức ăn. Nếu người kia không vì hữu tình mà ăn, mỗi niệm dứt diệt, đều chẳng phải đoạn thực, không đồng với luận Tiểu thừa: Tất cả hương, vị, Xúc của cõi Dục, đều là thức ăn, nên nói là “một phần”.

Trong văn có hai:

1- Nói về số đầu và nghĩa.

2- Nói về giới hạn.

Trong phần trước nêu kinh để phát ra hai môn. Thế nào là thức ăn? Là hỏi về số của Thể thức ăn. Thế nào là nuôi lớn hạt giống của các căn Đại? Là hỏi về nghĩa của các thức ăn đó. Dưới đây là đáp hai câu hỏi, giúp ích thì chẳng phải thức ăn, tức giống với xúc khổ, kể cả ưu khổ tương ứng với Tư và thức vô lậu v.v... cũng chẳng phải thức ăn.

Nói về bốn cách ăn theo thứ lớp giúp đỡ nuôi nấng:

Đoạn thực: Làm công việc, trước là gồm giúp ích cho thức. Vì thức mạnh mẽ, nên có thể giúp cho căn đại được mạnh mẽ hơn.

Nói xúc có thể nhiếp thọ, hoặc Hỷ, hoặc Lạc, hoặc một phần xả v.v.... Pháp sư Cảnh nói: “ý văn chỉ lấy Xúc, Hỷ, Lạc, Xả hữu lậu làm thức ăn, gồm thu ba thọ. Xoay vần giúp đỡ thức, thức nuôi lớn căn Đại, gọi là Xúc thực, trừ Xúc vô lậu và Xúc khổ, nên nói là “một phần”.

Luận sư Bị nói; “Theo lý tùy chuyển, đã lấy xúc làm xúc thực. Phải biết rằng, đều lấy sáu thức làm thể của Thức thực.

Theo môn chân thật lý thì sáu thức, được gọi là xúc thực, có thể dẫn Nhiếp Luận”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Xúc lấy sáu thức làm thể, sáu thức này có thể cùng xúc nhiếp thọ hai thọ Hỷ và Lạc hoàn toàn và một phần Xả. Nhiếp ích là nghĩa thấm nhuần, nuôi lớn. Ưu khổ thì trái lại, chẳng phải nhiếp ích. Xả có cả quả thiện, ác. Nay, vì chứng quả thiện để Xả, nên nói là “một phần”. Hoặc Xả có cả vui, buồn chưa sinh. Nay, vì lấy mừng vui chưa sinh, nên nói là một phần.”

Có thuyết nói: “Do đây nên biết lấy số Xúc làm thể của Xúc thực”.

“Điều này không thành giải thích, vì trái với Đối Pháp. Lại, luận này là tùy thuận lý môn. Nhiếp luận nói rằng, xúc thực thuộc về sáu thức. Nay, so với luận Duy Thức thì nghĩa đồng với cách giải thích của Pháp sư Cảnh.

“Ý tứ cho đến đại chủng của các căn: Pháp sư Cảnh nói: “Lúc khởi mong cầu nhiễm, không nhiễm đều không ngoài pháp thế gian, gọi là phương tiện đúng”. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nhiếp ích thức ở đây, nghĩa là ý thức này đều có Thọ cũng có cả ba thứ Hỷ, Lạc và Xả. Nhưng vì tướng Hỷ thô, cho nên nói riêng, hoặc chỉ nêu phần nhiều nói là ơ cõi Dục. Tuy nhiên vì cõi trên cũng có cả Lạc, nên Xả của cõi dưới dù có, nhưng vì nhỏ, nên không nói”.

Với ba cách ăn như thế, nhiếp ích thức kia v.v.... Xúc thực, Tư thực đều “duyên” chung cảnh hiện tại, vị lai mà sinh. Ở trước nói là Tư thực “duyên” cảnh vị lai, nghĩa là y theo duyên cảnh hoàn toàn chưa được, nên gọi là “duyên” vị lai.

3/ Nói về thức làm thức ăn cho ý căn. Pháp sư Cảnh nói: “Ở trước nói ba cách ăn giúp ích cho thức, thức lại nuôi lớn căn Đại, thế thì bốn cách ăn nuôi lớn năm sắc căn và ý căn? Cho nên lại hỏi rằng: “Thế nào là thức làm thức ăn cho ý căn?”.

Đáp: “Ý thức thực do cách ăn: Đoạn, Tư, Xúc, giúp cho sức gìn giữ. Thế của thức càng thêm dồi dào có thể làm ý căn. Trước, trước sinh sau làm nhân tăng ích, tức gọi là Thế của thức làm thức ăn cho ý căn.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Ở đây nói là Dục với ba Thọ đều cùng với Xúc thực, Tư thực, gọi là nhiếp ích, không muốn lấy hai tâm sở: Thọ, Xúc. Do hai thứ trước nhiếp ích thức thứ tám, nên Xúc thực, đoạn thực “duyên” thức hiện tại, Tư thực “duyên” vị lai. Thức sau sáng suốt, nhạy bén, nuôi lớn. Vì thức sau sáng suốt, nhạy bén, nuôi lớn, nên gọi là Thức thực. Cũng lấy chung trường dưỡng trong sáu thức để biện luận. Do ba cách ăn ban đầu: như đoạn thực v.v... giúp gìn giữ thức sao cho ý căn chuyển biến sáng suốt phát sinh.

4/ Nói ba pháp không lập. Bồ khuyết rằng: “Pháp ngủ, chiêm bao v.v... đối với quả báo, vì căn đại không có tổn hại, nên gọi là nuôi lớn. Nhưng vì không thể nhiếp thọ sự sinh riêng, nuôi lớn phần căn đại, nên không gọi là thức ăn. Thiên nhân dù được phát sinh từ Đẳng Chí, nhưng chính là xúc, thực, tư thực trong định nầy sinh, nên thức ăn có thể nuôi lớn căn đại, còn chẳng phải thức ăn thì không thể.”

5/ Nói về mạng căn không lập thức ăn. Mạng dù năng gìn giữ, nhưng vì bốn cách ăn làm trước, nên không nói.

6/ Nói về thức ăn thô, tế: Thức ăn của các vị trời không có xoay vần thành, rồi đổi thay, hư hoại, nên gọi là Tế.

7/ Bốn trường hợp trong giải thích kinh:

Sinh hữu tình, nghĩa là sinh hữu, bản hữu, không lấy tử hữu, vì tử

hữu không do thức ăn mà trụ, nên tìm kiếm hữu tình của “hữu”, tức là trung hữu. Đã sinh hữu tình do thức ăn được an trụ, như trước đã nói, nghĩa là nói trong sự ăn như trước đây.”

Nói “Do ba môn, nên đến nương tựa thức mà có”, nghĩa là do ba cách ăn: đoạn, tư, xúc, nên tăng trưởng cho nghiệp “hoặc”. Nghiệp “hoặc” dựa vào thức, tức tăng trưởng cho thức.

“Do ba môn đến nhiếp thọ sự sinh khác, nghĩa là thân trung hữu do ba cách ăn nên giúp tăng trưởng cho nghiệp “hoặc”. Nghiệp “hoặc” phát hoàn toàn hạt giống của năm chi, dẫn dắt đến sinh, già chết.”

8/ Nói về thời gian tác dụng của đoạn thực.

Thời kỳ đổi thay, hư hoại, nghĩa là đoạn thực vào thực tạng, mới gọi là ăn. Nếu khi thọ dụng xúc thực v.v..., nghĩa là đầu tiên được đoạn thực nhai nuốt vào miệng, cho đến khi vào bụng, chưa rơi vào thực tạng thì chưa gọi là đoạn thực, chỉ phát các thức tương ứng với số xúc, để kiến lập xúc thực. Cho nên. Đoạn thực thuộc về ba xứ, không lập sắc xứ v.v.... Vì ngậm, nhai trở nên không có tác dụng. Nên hương v.v... của phần vị đổi thay, hư hoại vì có sức có thể tổn ích. “Hoặc vật có đoạn trở xuống”, là giải thích rằng, cần phải đến thực tạng chế biến, mới hình thành tướng dụng của thức ăn”.

9/ Nói về phế lập: Đầu tiên, là y theo vào pháp để phế lập. Sau nói riêng về “có”, “không ” của năm đường.

Trong phần trước, Pháp sư Cảnh chú thích rằng: “Do nghiệp ở trước, nên nhiều năm được trụ, hoặc do thần thông cũng có nhiều thời gain trụ, hoặc do nghiệp và thần thông ly tan, hòa hợp mới được trụ lâu, sao không lập thức ăn?

Ý đáp: “Nghiệp là hành động chánh, thức ăn làm duyên trợ “duyên”, phần nhiều công dụng trong sự giúp đỡ, nghĩa là lập thức ăn. Sức thần thông dù giúp đỡ, nhưng vì công dụng của bốn cách ăn nhiều, nên chỉ lập thức ăn. Thức ăn lại vừa là công dụng của bốn cách ăn, vì dễ cảm giác biết. Lại, thân niệm trụ quán Xúc, Xúc sinh thọ. Niệm pháp quán Tư; tâm niệm quán thức. Lại một ngày vì giúp đỡ, nuôi nấng, nên chỉ bốn cách ăn này nên nói là thức ăn.

Biên minh về cõi “có” “không” thức ăn. Cảnh Tử chú thích rằng: “Đây là y theo địa ngục chính thức không có đoạn thực, cũng là địa ngục biên, cũng có đoạn thực, nên quyển sáu mươi sáu nói rằng: “Nếu đoạn thực thô, thì năm đường có thể được. Đối với một phần này đều là Na-lạc-ca riêng, chứ chẳng phải Đại Na-lạc-ca (địa ngục lớn).”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Các địa ngục trong đây đều có các gió nhỏ

nhệm. Gọi là đoạn thực. Địa Tâm, từ của bản địa ở trước nói là không có đoạn thực, vì bản địa kia y theo vào Trùng địa ngục, lai vì khó biết, cho nên không nói đến. Chỗ này là chính.

Trong phần nói về các trường hợp nói thứ sau, văn chia ra làm bốn:

1) Y theo vào cảnh giới nương tựa thân, nhằm phân biệt sắc căn. Hoặc có khi dựa vào thân chuyển, mà không dựa vào cảnh giới v.v..., nghĩa là có sắc, căn đồng phần kia. Dù dựa vào đại chủng, thân mới chuyển mà không có thức đến gá vào thì sẽ không thể chấp cảnh v.v....

2) Y theo vào một, nhiều, dựa vào sự phân biệt các căn, hoặc một có một y, nghĩa là căn đồng phần kia dựa vào bốn đại. Hai y, nghĩa là căn đồng phần dựa vào hai y thức tự phần của bốn đại.

Ba y, nghĩa là căn và căn tâm pháp của Vô Sắc. Ở cõi có sắc có ba Y:

1- Y sắc.

2- Y ý.

3- Y căn của tâm pháp, cho đến Lại-da, cũng dựa vào sắc và hạt giống, ý căn, căn của tâm pháp hiện hành. Cõi Vô Sắc chỉ dựa vào ý và hai căn của tâm pháp.

3) Căn cứ vào khổ v.v... để phân biệt. Đồng với ý các căn đều là khổ đế, tất cả đều là tướng của khổ, thọ ư? Giả sử tướng của khổ, thọ đều là khổ đế ư?

4) Y theo vào điều thiện để phân biệt, cách hành văn rất dễ hiểu.

Trên đây, sáu nói, là nói rộng. Dưới đây dùng nửa bài tụng để kết sáu nghĩa trước. Trên đây trong chính nói về hai địa, đã quyết định lựa chọn riêng xong.

Dưới đây là thứ hai, phân biệt chung, trong đó chia làm bốn:

### ***I. Nói về nghĩa khác nhau.***

Nhiếp trì đầy đủ tất cả nghĩa hạnh. Vì nhiếp trì đầy đủ tất cả nghĩa hạnh, nên gọi là uẩn, nghĩa là gồm nhiếp nghĩa khắp hết của ba đế, nên nói là “đầy đủ v.v...”. Vì muốn nói về nghĩa thường thường gồm nhiếp, nên có lời nói lớp lớp.”

Lại giải thích: “Lời nói đầu là thể; lời nói sau là chủ thể giải thuyết. Do thể như thế, cho nên đặt tên như thế. Dưới đây y theo mà biết.

“Thường hay tăng trưởng các nghiệp phiền não”: Đây là y theo

vào thủ uẩn chỉ gồm thân Khổ, Tập thêm nghiệp phiền não, cho nên, gọi là uẩn.”

“Thường có những gì đã làm và nhanh chóng diệt hoại, nghĩa là tất cả việc đã làm, tạo nên sự nhanh chóng tiêu diệt, gọi là uẩn.”

Đây là có cả ba Đế, phát khởi các pháp, gọi là giới v.v..., nghĩa là hạt giống của mười tám giới dắt dẫn các pháp, cho nên gọi là Giới, công năng sinh, công năng làm cho rộng ra v.v..., là nghĩa khả năng sinh trưởng tâm, tâm sở, nên gọi là Xứ.

“Do các duyên nên bình đẳng”. Nghĩa là do đối với bốn duyên: Tập, khởi, diệt, hoại cho nên bình đẳng, khởi lý, thú bình đẳng, nghĩa là nhận biết rõ lý thú bình đẳng của các pháp.

“Đối với các sự như kiến v.v... tương ứng với tự tại,” nghĩa là như mắt thấy v.v... tương ứng với tự tại.

**II. Nói về kiến lập.** Tức là dùng sáu nhân, theo thứ lớp phối hợp với sáu thiện xảo v.v... Cảnh Tử chú thích: “Nhân là lý do

1) Chứa nhóm là nghĩa thân, biết hữu vi là chứa nhóm tụ tập, kiến lập nên uẩn.

2) Biết các hạt giống như nhân v.v... kiến lập nên giới.

3) Biết căn, trần sinh ra thức thân, nghĩa là lập xứ.

4) Biết vô minh v.v... là duyên của đối tượng giá vào, gọi là phương tiện ràng buộc, lập ra duyên khởi.

5) Biết niềm vui từ việc thiện sinh ra được gọi là phương tiện vượt hơn. Niềm vui sinh ra từ bất thiện, gọi là phương tiện thấp kém, lập ra xứ phi xứ.

6) Biết nhân v.v... kia, đều có nghĩa dung của tăng thượng thọ, nên kiến lập căn.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “ Vì giả, nghĩa là thân, tức là mười hai xứ là giả, nghĩa là đối tượng nương tựa.

**III. Làm rõ thiện khéo léo, lia sáu tà chấp.** Cảnh tử chú thích:

1) Nhận biết uẩn vô thường, lia chấp thường.

2) Chấp tự tánh của tánh u tối, nhân bất bình đẳng của trời Tự Tại. Biết do hạt giống của mười tám giới là chánh nhân của các pháp, cho nên lia bỏ chấp này.

3) Ngoại đạo chấp “ngã” gìn giữ căn, hiểu rõ cảnh, sinh ra thức. Do xứ thiện xảo, biết được chỉ có căn, cảnh sinh thức, lia chấp tà của ngã.

4) Ngoại đạo kia chấp tám muôn kiếp sinh tử ở trước có bắt đầu; tám muôn kiếp sinh tử sau này có điểm kết thúc. Do sự giỏi khéo của



duyên khởi, nhận biết sinh, tử kia vô thủ, vô chung, nên dứt trừ tà chấp.

5) Thiện xảo của xứ, phi xứ; hiểu rõ nhãn, quả chân chính, gọi là tịnh; nhân quả bất chính, gọi là bất tịnh, có thể bỏ chấp tà.

6) Do căn giỏi khéo, biết rõ chỉ có cảnh thọ dụng của căn, (Căn thọ dụng cảnh) tức là lìa chấp ngã của ngoại đạo thọ dụng cảnh ái, phi ái mà có chấp tà.

**IV. Nói về thắng lợi.** Ngài Tam Tạng tự chia ra:

1) Biết vô ngã, dứt trừ một hợp tướng.

2) Đối với pháp có tự thể, hiện có thật đế của tự tánh, gọi là trụ tự tánh tức là không bài bác.

3) Tự không có nghi “ngờ”, chánh pháp tồn tại lâu dài.

4) Ngộ nhập duyên khởi, tức không có tánh của tác giả.

5) khiến tuệ tăng trưởng, hiểu rõ “duyên sinh”.

6) Đối với thiện ác, sinh “duyên” khác nhau, phải chánh trụ niệm.

7) Có pháp tùy, pháp hành.

8) Dựa vào chánh trụ niệm, chứng định thiện.

9) Vì nương tựa định thiện, nên tuệ của bậc Thánh sẽ sinh.

10) Vì nương tựa tuệ của bậc Thánh, nên dứt trừ điên đảo, lậu hết.

Luận sư Cảnh, chú thích:

1) Tát-ca-da kiến chấp tụ là một. Do sáu thiện xảo phân tích tánh tướng của uẩn v.v... đều khác, tức là trừ tướng hợp nhất của thân kiến.

2) Do sáu thiện xảo biết rõ pháp, “có” là đế. Là thật dứt trừ tâm chê bai “có”

3) Do sáu thiện xảo tự dứt bỏ nghi “ngờ”, cho đến tin tăng.

4) Giúp cho Thánh giáo tồn tại lâu dài.

5) Do có duyên, khởi thiện xảo, ngộ nhập duyên khởi, rất dễ hiểu rõ Đế-thích, Phạm thiên v.v... đều chẳng phải tác giả, vì không có thật tánh, chấp ngã làm nhân, gọi là sĩ phu v.v...

6) Khiến cho tuệ tăng trưởng, biết rõ như thật.

7) Trụ niệm đối với thiện, bất thiện, do có pháp tùy pháp hành.

8) Dùng trụ, niệm làm y, kiến lập chứng định.

9) Lấy định làm y, Thánh tuệ sẽ sinh.

10) Nương tựa tuệ, dứt trừ điên đảo.

Pháp sư Khuy Cơ nói:

1) Dứt trừ tướng v.v... hợp nhất của ngã chấp.

2) Vì pháp có, đế trụ, tức là không bài bác.

- 3) Tự không có nghi ngờ.
  - 4) Khéo đáp câu hỏi của người.
  - 5) Làm cho người khác tin.
  - 6) Làm cho giáo pháp tồn tại lâu dài.
- Bốn điều dưới, tức bốn chữ “hựu”, cho nên là mười.

